

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Kiên Giang
Tên đơn vị: UBND huyện Kiên Hải
Mã đơn vị: T33022

Biểu mẫu số 02A-ĐK/TSNN

TỔNG HỢP TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
Phần 1: Tổng hợp chung
Ngày báo cáo: 28/02/2025
Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Nghìn đồng

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Đất	1	49	47,170.15	17,523,169.40	16,496,289.40	26,880.00		1,000,000.00	17,523,169.40
Đất trụ sở	101	18	14,091.12	3,440,584.40	3,440,584.40				3,440,584.40
Đất trụ sở làm việc BDH	T33022001-101-14	1	299.00	300,000.00	300,000.00				300,000.00
Đất Nhà ở tập thể	T33022008-101-33	1	201.72	54,464.40	54,464.40				54,464.40
đất xây dựng trụ sở	T33022009-101-12	1	98.40	125,000.00	125,000.00				125,000.00
Huyện đoàn Kiên Hải	T33022010-101-1	1	156.00	140,346.00	140,346.00				140,346.00
Văn phòng Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Kiên Hải	T33022012001-101-1	1	116.00	13,920.00	13,920.00				13,920.00
Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Kiên Hải	T33022013-101-1	1	123.00	55,440.00	55,440.00				55,440.00
Trụ sở làm việc	T33022014-101-5	1	130.00	1,500,000.00	1,500,000.00				1,500,000.00
Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Kiên Hải	T33022020-101-1	1	3,600.00	720,000.00	720,000.00				720,000.00
Đất	T33022026-101-12	1	72.60	205,500.00	205,500.00				205,500.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Nhà công vụ UBND xã Lại Sơn	T33022027-101-3	1	221.00	99,436.00	99,436.00				99,436.00
Trụ sở làm việc Khối Văn xã Lại Sơn huyện Kiên Hải	T33022027-101-2	1	51.00	35,784.00	35,784.00				35,784.00
UBND Xã Lại Sơn huyện Kiên Hải	T33022027-101-1	1	214.00	149,639.00	149,639.00				149,639.00
Đất Trụ sở ấp An Bình	T33022028-101-351	1	74.50						
Đất Trụ sở ấp An Phú	T33022028-101-350	1	79.70						
Đất Trụ sở ấp Hòn Mấu	T33022028-101-352	1	75.80						
Đất Trụ sở Chũr Thập đỏ xã	T33022028-101-353	1	48.60						
Đất trụ sở UBND xã Nam Du	T33022028-101-340	1	8,350.80						
Trụ sở làm việc Thị hành Án huyện Kiên Hải	T33022032-101-2	1	179.00	41,055.00	41,055.00				41,055.00
Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp	102	31	33,079.03	14,082,585.00	13,055,705.00	26,880.00		1,000,000.00	14,082,585.00
Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo	10201	24	30,548.03	12,952,585.00	11,925,705.00	26,880.00		1,000,000.00	12,952,585.00
Khu đất giáp đất ông Hà Văn Đông	T33022012002-10201-1	1	737.00						
Khu đất giáp Trung tâm Dân Số huyện	T33022012002-10201-9	1	347.00						
Khu đất giáp UBND huyện Kiên Hải	T33022012002-10201-10	1	410.00						
Trường Tiểu học An Sơn (Đầm Bãi Ngự - ấp Bãi Ngự)	T33022012003-10201-4	1	1,450.00	72,500.00	72,500.00				72,500.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Trường Tiểu học An Sơn (Điểm chính - ấp Cù Tron)	T33022012003-10201-1	1	4,865.70	729,855.00	729,855.00				729,855.00
Trường Tiểu học An Sơn (điểm Bãi Cỏ - ấp An Cư)	T33022012003-10201-3	1	1,364.00	81,840.00	81,840.00				81,840.00
Tập thể giáo viên Trường Tiểu học Hòn Tre	T33022012004-10201-3	1	174.00	43,375.00	43,375.00				43,375.00
Trường Tiểu học Hòn Tre	T33022012004-10201-2	1	2,092.00	732,147.00	732,147.00				732,147.00
Đất điểm trường Thiên Tuế (điểm chính)	T33022012005-10201-6	1	1,896.40	324,626.00	324,626.00				324,626.00
Đất nhà công vụ	T33022012005-10201-8	1	192.00	26,880.00		26,880.00			26,880.00
Trường TH Lại Sơn (Điểm Bãi Bắc)	T33022012005-10201-9	1	673.12	147,350.00	147,350.00				147,350.00
Điểm chính Bãi Nhà	T33022012006-10201-1	1	2,500.00	2,000,000.00	2,000,000.00				2,000,000.00
Điểm phụ Bãi Bắc	T33022012006-10201-3	1	350.25	1,500,000.00	1,500,000.00				1,500,000.00
Điểm phụ Thiên Tuế	T33022012006-10201-2	1	1,896.40	1,900,000.00	1,900,000.00				1,900,000.00
Nhà công vụ điểm Bãi Nhà	T33022012006-10201-4	1	507.20	270,000.00	270,000.00				270,000.00
Nhà công vụ điểm Thiên Tuế	T33022012006-10201-5	1	183.96	250,000.00	250,000.00				250,000.00
Nhà công vụ Giáo viên Trường Trung học cơ sở Lại Sơn	T33022012007-10201-3	1	830.00	124,492.00	124,492.00				124,492.00
Trường Trung học cơ sở Lại Sơn	T33022012007-10201-2	1	2,400.00	180,000.00	180,000.00				180,000.00
Nhà công vụ Giáo viên Trường Phổ thông cơ sở An Hòa	T33022012008-10201-4	1	420.00	63,000.00	63,000.00				63,000.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Trường Phổ thông cơ sở An Hòa (điểm Bãi Cát)	T33022012008-10201-3	1	720.00	108,000.00	108,000.00				108,000.00
Trường Phổ thông cơ sở An Hòa (điểm chính)	T33022012008-10201-1	1	2,369.00	2,368,520.00	2,368,520.00				2,368,520.00
Trường Phổ thông cơ sở An Hòa (điểm Hòn Mấu)	T33022012008-10201-2	1	600.00	30,000.00	30,000.00				30,000.00
Đất Trường Mầm Non Sao Mai	T33022012009-10201-41	1	1,500.00	1,000,000.00	1,000,000.00				1,000,000.00
Khuôn viên đất	T33022012010-10201-106	1	2,070.00	1,000,000.00				1,000,000.00	1,000,000.00
Đất hoạt động sự nghiệp khác	10209	7	2,531.00	1,130,000.00	1,130,000.00				1,130,000.00
Đất trạm phát điện Bãi Bắc	T33022001-10209-21	1	128.00	80,000.00	80,000.00				80,000.00
Đất Trạm phát điện Cù Tron	T33022001-10209-18	1	379.00	250,000.00	250,000.00				250,000.00
Đất trạm phát điện Hòn Mấu	T33022001-10209-19	1	300.00	120,000.00	120,000.00				120,000.00
Đất trạm phát điện Hòn Ngang	T33022001-10209-17	1	208.00	130,000.00	130,000.00				130,000.00
Đất Trạm phát điện Lại Sơn	T33022001-10209-20	1	316.00	250,000.00	250,000.00				250,000.00
Đài Truyền thanh huyện Kiên Hải	T33022004-10209-2	1	600.00	150,000.00	150,000.00				150,000.00
Đài Truyền thanh huyện Kiên Hải	T33022099-10209-1	1	600.00	150,000.00	150,000.00				150,000.00
Nhà, công trình xây dựng	2	67	21,182.36	2,716,547,810.02	2,700,706,176.59	2,514,002.00	3,270,000.00	10,057,631.44	41,154,830.37
Nhà cấp I	202	1	50.00	49,595.00		49,595.00			48,975.06
Nhà lưu trữ	T33022099-202-58	1	50.00	49,595.00		49,595.00			48,975.06

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Nhà cấp II	203	8	4,898.58	19,548,293.67	19,548,293.67				14,714,297.57
Trường Tiểu học Hòn Tre	T3302201200 4-203-1	1	1,051.00	4,891,287.00	4,891,287.00				3,941,955.93
Trường THCS Lại Sơn	T3302201200 7-203-1	1	1,160.00	3,450,000.00	3,450,000.00				1,734,253.64
Hội trường UBND huyện Kiên Hải	T33022031- 203-17	1	540.00	1,944,265.29	1,944,265.29				1,555,412.23
Nhà khách UBND huyện Kiên Hải	T33022031- 203-18	1	438.70	521,424.46	521,424.46				417,139.57
Nhà phụ trợ Kho bạc Nhà nước huyện Kiên Hải	T33022031- 203-72	1	219.60	427,153.16	427,153.16				384,437.84
Trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Kiên Hải	T33022031- 203-73	1	258.00	1,199,098.07	1,199,098.07				1,127,152.19
Trụ sở làm việc UBND huyện Kiên Hải	T33022031- 203-16	1	975.28	6,265,065.70	6,265,065.70				5,012,052.56
Trụ sở Thi Hành Án huyện	T33022032- 203-1	1	256.00	850,000.00	850,000.00				541,893.62
Nhà cấp III	204	19	6,597.74	2,659,589,265.78	2,647,711,926.78	1,327,339.00	2,600,000.00	7,950,000.00	17,693,050.49
Trụ sở làm việc BDH	T33022001- 204-29	1	299.00	2,634,583,000.00	2,634,583,000.00				
trụ sở làm việc	T33022009- 204-14	1	269.00	3,500,000.00	3,500,000.00				3,080,000.00
Trụ sở Huyện Đoàn Kiên Hải	T33022010- 204-2	1	146.00	1,372,412.59	1,372,412.59				1,006,420.59
Trụ sở làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kiên Hải	T33022012- 204-32	1	700.74	3,531,230.71	3,531,230.71				2,401,236.88
Bếp ăn, phòng thể chất	T3302201200 2-204-15	1	60.00						
02 phòng học, 05 phòng làm việc, các nhà VS, sân	T3302201200 2-204-13	1	737.00	2,600,000.00			2,600,000.00		1,207,761.91

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Khu nhà hiệu bộ (8 phòng)-Điểm chính	T33022012003-204-90	1	750.00	2,400,000.00				2,400,000.00	1,728,000.00
Phòng học (điểm Bãi Ngự)	T33022012003-204-91	1	550.00	800,000.00				800,000.00	576,000.00
Day 2 lầu	T33022012005-204-20	1	320.00	1,327,339.00		1,327,339.00			530,935.60
Dãy phòng học hội trường, nghệ thuật (4 phòng)	T33022012009-204-203	1	490.00						
Dãy phòng học 4 /2023 (lá)	T33022012009-204-204	1	323.00						
Dãy khu nhà phòng học	T33022012010-204-108	1	450.00	2,250,000.00				2,250,000.00	2,160,000.00
Khu dãy nhà hiệu bộ và phòng bộ môn	T33022012010-204-107	1	150.00	2,500,000.00				2,500,000.00	2,400,000.00
Trụ sở làm việc	T33022013-204-2	1	166.00	1,244,383.49	1,244,383.49				921,479.52
Trụ sở làm việc	T33022019-204-45	1	260.00	1,768,399.99	1,768,399.99				1,485,455.99
Trụ sở Khối Vận xã huyện Lại Sơn	T33022027-204-6	1	110.00	31,720.00	31,720.00				
Trụ sở Khối Vận xã Lại Sơn	T33022027-204-5	1	395.00	531,780.00	531,780.00				
Trụ sở khối Vận huyện	T33022034-204-15	1	242.00	500,000.00	500,000.00				40,000.00
Trụ sở Thư viện	T33022099-204-3	1	180.00	649,000.00	649,000.00				155,760.00
Nhà cấp IV	205	39	9,636.04	37,360,655.57	33,445,956.14	1,137,068.00	670,000.00	2,107,631.44	8,698,507.25
Nhà bao che trạm phát điện Bãi Bắc	T33022001-205-31	1	128.00	507,413.00	507,413.00				
Nhà bao che trạm phát điện Bãi Nhà, Lại Sơn	T33022001-205-30	1	316.00	350,887.00	350,887.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Nhà bao che Trạm phát điện Cù Tron	T33022001-205-3	1	379.00	625,000.00	625,000.00				
Nhà bao che Trạm phát điện Hòn Mấu, Nam Du	T33022001-205-5	1	300.00	1,040,390.00	1,040,390.00				
Nhà bao che Trạm phát điện Hòn Ngang, Nam Du	T33022001-205-6	1	208.00	425,000.00	425,000.00				
Trụ sở Đài truyền thanh huyện	T33022004-205-1	1	124.00	162,425.00	162,425.00				
Nhà tập thể Cấp IV	T33022008-205-34	1	119.02	52,564.00	52,564.00				
Nhà công vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kiên Hải	T33022012-205-37	1	204.00	1,711,527.14	1,711,527.14				798,351.34
Trụ sở Phòng Giáo dục huyện	T33022012001-205-2	1	192.00	309,607.00	309,607.00				
Trường Mầm non Hòn Tre	T33022012002-205-2	1	502.00	1,193,000.00	1,193,000.00				
03 phòng học, sân, bậc tam cấp	T33022012002-205-14	1	410.00						
04 Phòng học, sân, khu vệ sinh	T33022012002-205-12	1	347.00	670,000.00			670,000.00		
Phòng học (Điểm Bãi Cỏ)	T33022012003-205-92	1	450.00	1,283,170.45				1,283,170.45	
Tập thể giáo viên trường Tiểu học Hòn Tre	T33022012004-205-4	1	102.00	43,520.00	43,520.00				
2 phòng học điểm Bãi Bắc	T33022012005-205-5	1	207.24	97,766.00	97,766.00				
Day 2 phòng học Bãi Giếng	T33022012005-205-11	1	102.24	94,864.00		94,864.00			
Dãy 2 phòng học điểm Bãi Bắc	T33022012005-205-14	1	102.24	94,941.00	94,941.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Day 3 phòng học Bãi Bắc	T3302201200 5-205-7	1		5,000.00		5,000.00			
Day 3 phòng học (Nhà vệ sinh BG)	T3302201200 5-205-10	1	192.00	340,000.00		340,000.00			
day 3 phòng học thư viên	T3302201200 5-205-4	1	192.00	192,000.00		192,000.00			
Nhà công vụ giáo viên	T3302201200 5-205-12	1	192.00	505,204.00		505,204.00			
Nhà công vụ Giáo viên (9 phòng)	T3302201200 7-205-4	1	373.00	2,426,472.00	2,426,472.00				172,036.86
Trường PTCS An Hòa điểm Hòn Mấu	T3302201200 8-205-6	1	266.00	596,000.00	596,000.00				
Trường PTCS An Hòa điểm Bãi Cát	T3302201200 8-205-7	1	133.00	420,000.00	420,000.00				
Trường PTCS An Hòa điểm chính	T3302201200 8-205-5	1	728.00	2,106,000.00	2,106,000.00				
xây dựng mới 6 phòng Nhà công vụ GV	T3302201200 8-205-8	1	158.00	544,091.00	544,091.00				14,998.77
Dãy nhà 1 (nhà trẻ, mầm, lá)	T3302201200 9-205-7	1	256.00	1,000,000.00	1,000,000.00				66,366.67
Dãy nhà 4 (phòng họp; lãnh đạo)	T3302201200 9-205-9	1	256.00	2,200,000.00	2,200,000.00				1,319,660.00
Trung tâm bồi chính trị huyện Kiên Hải	T33022020- 205-2	1	629.00	5,047,000.00	5,047,000.00				357,832.30
Nhà Văn hoá kết hợp với trụ sở ấp An Cư	T33022025- 205-29	1	1.00	425,204.81				425,204.81	255,057.17
Nhà Văn hoá kết hợp với trụ sở ấp Bãi Ngự	T33022025- 205-28	1	1.00	399,256.17				399,256.17	186,235.26
Trụ sở ấp I	T33022026- 205-8	1	72.60	205,500.00	205,500.00				68,446.18

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Trụ sở làm việc UBND xã	T33022026-205-27	1	413.00	5,473,000.00	5,473,000.00				5,107,950.90
Nhà công vụ UBND xã Lại Sơn	T33022027-205-4	1	250.00	844,000.00	844,000.00				23,266.27
Nhà công vụ UBND xã Nam Du	T33022028-205-5	1	187.00	863,000.00	863,000.00				23,790.03
Trụ sở làm việc Khối vận xã Nam Du	T33022028-205-6	1	162.00	569,964.00	569,964.00				
Trụ sở làm việc UBND xã Nam Du	T33022028-205-4	1	715.00	4,295,000.00	4,295,000.00				304,515.50
Nhà công vụ khối Vận huyện	T33022034-205-16	1	142.50	79,464.00	79,464.00				
Trụ sở Đài truyền thanh	T33022099-205-2	1	124.20	162,425.00	162,425.00				
Vật kiến trúc	3	1	50.00	20,000.00	20,000.00				
Các vật kiến trúc khác	304	1	50.00	20,000.00	20,000.00				
Khu nhà vệ sinh điểm chính	T33022012003-301-12	1	50.00	20,000.00	20,000.00				
Ô tô	4	1		819,500.00	819,500.00				272,975.45
Xe ô tô phục vụ công tác chung	402	1		819,500.00	819,500.00				272,975.45
Xe 6 đến 8 chỗ	40202	1		819,500.00	819,500.00				272,975.45
TOYOTA-68c-00227	T33022031-401010202-8	1		819,500.00	819,500.00				272,975.45
Phương tiện vận tải khác(ngoài xe ô tô)	5	2		33,000.00				33,000.00	
Phương tiện vận tải đường bộ	501	2		33,000.00				33,000.00	
xe moto	T33022026-40102-5	1		15,200.00				15,200.00	

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá				Giá trị còn lại	
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ		Nguồn khác
xe moto	T33022026-40102-6	1		17,800.00				17,800.00	
Máy móc, thiết bị	6	678		17,072,692.40	8,832,140.60	2,875,948.66	2,171,344.04	3,193,259.10	4,527,591.15
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	601	449		10,102,097.04	5,433,654.24	1,391,394.66	1,549,169.04	1,727,879.10	2,300,925.08
Máy vi tính để bàn	60101	146		3,150,495.10	1,149,835.00	419,130.00	645,920.00	935,610.10	679,552.67
Máy vi tính để bàn	T33022001-501-15	1		12,201.00				12,201.00	
Máy vi tính để bàn	T33022001-501-9	1		7,350.00				7,350.00	
Máy vi tính để bàn	T33022001-501-16	1		7,350.00				7,350.00	
Máy vi tính để bàn	T33022001-501-13	1		12,000.00	12,000.00				
Máy vi tính để bàn	T33022001-501-10	1		8,164.00				8,164.00	
Máy tính để bàn FPT	T33022005-60101-8	1		13,840.00	13,840.00				8,304.00
Máy vi tính để bàn FPT	T33022008-60101-28	1		13,840.00				13,840.00	10,149.33
Máy tính để bàn	T33022009-60101-15	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
Máy tính để bàn	T33022009-60101-21	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
Máy tính để bàn	T33022009-60101-20	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
GREENCOM GC-13-9100FSV	T33022011-60101-5	1		10,800.00		10,800.00			
Intel Pentium CPU G3220	T33022011-501-6	1		15,600.00		15,600.00			

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy vi tính để bàn	T33022012-60101-5	1		11,900.00	11,900.00				
Máy vi tính để bàn (ASIA)	T33022012-60101-50	1		12,900.00	12,900.00				7,740.00
CPU phòng tin học 5 cái	T33022012003-501-24	1		28,000.00	28,000.00				
Máy tính bàn	T33022012003-60101-105	1		70,000.00			70,000.00		56,000.00
Máy tính bàn (21 bộ)	T33022012003-501-64	1		265,545.00				265,545.00	
Máy tính bàn phòng tin học 10 cái	T33022012003-501-18	1		66,000.00			66,000.00		
Máy tính bàn (10 bộ)	T33022012003-60101-93	1		129,000.00				129,000.00	77,400.00
Máy tính để bàn 3 bộ	T33022012003-501-25	1		35,400.00	35,400.00				
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-60101-84	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-60101-87	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-60101-88	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-60101-98	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-60101-70	1							
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-501-9	1		10,700.00				10,700.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-501-10	1		10,700.00				10,700.00	

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá				Giá trị còn lại	
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ		Nguồn khác
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-14	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-21	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-102	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-15	1		12,490.00	12,490.00				
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-19	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-18	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-17	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-42	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-13	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-100	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-99	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-30	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-16	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-33	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-92	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-35	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-40	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-79	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-80	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-97	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-36	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-28	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-23	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-94	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-82	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-78	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-91	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-83	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-43	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-86	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá				Giá trị còn lại	
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ		Nguồn khác
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-22	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-89	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-29	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-96	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-95	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-81	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-32	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-41	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-31	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-34	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-101	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-85	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-27	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-90	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ ELEAD	T3302201200 4-60101-20	1		12,490.00				12,490.00	

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-60101-93	1		13,980.00	13,980.00				2,796.00
Máy vi tính để bàn FPT_ELEAD	T33022012004-60101-37	1		12,490.00				12,490.00	
Máy vi tính CMS-MAMBO (10 BỘ)	T33022012005-501-13	1		66,000.00				66,000.00	
Máy tính để bàn FPT Elead F20.1	T33022012006-60101-86	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.10	T33022012006-60101-80	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.12	T33022012006-60101-84	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.13	T33022012006-60101-85	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.2	T33022012006-60101-52	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.3	T33022012006-60101-59	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.4	T33022012006-60101-62	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.5	T33022012006-60101-65	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.6	T33022012006-60101-68	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.7	T33022012006-60101-71	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.8	T33022012006-60101-74	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Máy tính để bàn FPT Elead F20.9	T33022012006-60101-77	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy vi tính để bàn	T3302201200 6-501-7	1							
Máy bộ FPT Elead M521	T3302201200 9-501-4	1		6,900.00	6,900.00				
Máy bộ FPT Elead M521	T3302201200 9-501-3	1		6,900.00	6,900.00				
Máy vi tính để bàn ASIA-CT (2024)	T3302201200 9-60101-211	1		12,500.00				12,500.00	10,833.33
máy tính bàn	T3302201201 0-501-7	1		213,400.00		213,400.00			
máy tính bàn GV 01 bộ	T3302201201 0-60101-68	1		15,000.00			15,000.00		9,000.00
máy tính bàn 30 bộ	T3302201201 0-60101-67	1		422,340.00			422,340.00		253,404.00
Máy vi tính để bàn (4 bộ)	T33022013- 60101-6	1		59,840.00	59,840.00				11,968.00
Máy tính để bàn (4 bộ)	T33022014- 501-12	1		32,000.00	32,000.00				
Máy vi tính	T33022014- 501-2	1		7,990.00	7,990.00				
Máy vi tính Samsung	T33022014- 501-1	1		7,210.00	7,210.00				
Máy vi tính	T33022015- 501-3	1		7,000.00	7,000.00				
Máy vi tính	T33022015- 501-1	1		7,500.00	7,500.00				
Máy vi tính	T33022015- 501-7	1		6,170.00	6,170.00				
Máy vi tính	T33022015- 501-2	1		7,000.00	7,000.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy vi tính	T33022015-501-6	1		9,000.00				9,000.00	
Máy để bàn Lennovo 2bo65	T33022016-501-7	1		15,200.00				15,200.00	
máy tính để bàn All in one Venr A19	T33022016-501-6	1		90,860.00	90,860.00				
Máy tính để bàn Rosa allin one	T33022016-501-9	1		11,000.00	11,000.00				
máy tính để bàn (4 máy phòng chuyên môn)	T33022016-60101-25	1		39,898.00	39,898.00				
Máy tính để bàn	T33022017-501-1	1		11,480.00	11,480.00				
Máy tính để bàn	T33022017-501-2	1		9,450.00	9,450.00				
máy vi tính (FPT)	T33022017-60101-3	1		13,000.00	13,000.00				2,600.00
Máy tính để bàn	T33022018-501-5	1		8,900.00	8,900.00				
Máy vi tính để bàn	T33022018-501-2	1		9,500.00	9,500.00				
Máy vi tính để bàn	T33022018-501-1	1		9,500.00	9,500.00				
Máy tính để bàn	T33022020-501-5	1		17,450.00	17,450.00				
máy tính bàn	T33022025-501-2	1		8,990.00	8,990.00				
Máy vi tính bàn	T33022025-501-1	1		8,894.05				8,894.05	
Máy vi tính bàn	T33022025-501-11	1		7,850.00	7,850.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
máy tính bàn	T33022026-501-13	1		9,800.00	9,800.00				
máy vi tính bàn	T33022026-501-7	1		33,270.00				33,270.00	
máy vi tính bàn	T33022026-501-9	1		13,646.05				13,646.05	
Máy vi tính để bàn FPT A4650 G	T33022026-60101-17	1		14,550.00	14,550.00				11,640.00
Bộ máy vi tính bàn ROBO (Dũng)	T33022027-60101-147	1		12,900.00			12,900.00		10,320.00
MÁY TÍNH BÀN (DUNG)	T33022027-60101-19	1		13,000.00	13,000.00				
Máy tính bàn FPT	T33022027-60101-123	1		13,840.00			13,840.00		8,304.00
Máy tính bàn FPT	T33022027-60101-124	1		13,840.00			13,840.00		8,304.00
VT VH01	T33022027-501-8	1		10,000.00	10,000.00				
VT VH01	T33022027-60101-7	1		10,000.00	10,000.00				
VT VP03	T33022027-60101-15	1		13,000.00	13,000.00				
VT VP04	T33022027-60101-17	1		22,000.00			22,000.00		
VT VP05	T33022027-60101-18	1		10,000.00			10,000.00		
HP 590	T33022031-60101-22	1		11,818.00	11,818.00				
HP 590	T33022031-60101-23	1		11,818.00	11,818.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
HP 590	T33022031-60101-20	1		11,818.00	11,818.00				
HP 590	T33022031-60101-21	1		11,818.00	11,818.00				
Máy vi tính bàn FPT T7400 phòng họp trực tuyến	T33022031-60101-65	1		14,830.00	14,830.00				5,932.00
Máy vi tính để bàn Dell	T33022031-60101-39	1		14,900.00	14,900.00				
Máy vi tính để bàn FPT T5400	T33022031-60101-44	1		12,750.00	12,750.00				2,550.00
Máy vi tính để bàn FPT T5400	T33022031-60101-42	1		12,750.00	12,750.00				2,550.00
Máy vi tính để bàn FPT T5400	T33022031-60101-43	1		12,750.00	12,750.00				2,550.00
máy vi tính để bàn	T33022034-60101-12	1		13,200.00	13,200.00				5,280.00
Máy vi tính để bàn	T33022034-60101-13	1		13,200.00	13,200.00				5,280.00
Bộ máy vi tính làm chương trình phát thanh CORE I5-12400F	T33022099-60101-55	1		24,530.00		24,530.00			19,624.00
Máy tính bàn (1 cái)	T33022099-501-17	1							
Máy tính bàn (1 cái)	T33022099-60101-27	1		13,915.00	13,915.00				
Máy tính bàn (2 cái)	T33022099-501-18	1							
Máy vi tính để bàn (1 cái)	T33022099-60101-31	1		16,500.00	16,500.00				
Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)	60102	126		2,086,403.00	1,146,081.00	359,629.00	268,515.00	312,178.00	620,399.93

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá				Giá trị còn lại	
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ		Nguồn khác
Máy vi tính	T33022001-502-23	1		14,678.00				14,678.00	
Máy vi tính	T33022001-502-24	1		12,000.00				12,000.00	
MAY TINH	T33022002-502-4	1		14,600.00		14,600.00			
Máy vi tính xách tay (CPU Intel R CoreTM I3)	T33022003-60102-26	1		14,850.00			14,850.00		2,970.00
Máy vi tính xách tay (CPU Intel® 1065G7)	T33022003-60102-45	1		15,000.00		15,000.00			12,000.00
Máy vi tính xách tay HP (CPU intel i5-8265U)	T33022003-60102-20	1		15,000.00		15,000.00			
Laptop HP 240 G8	T33022005-60102-4	1		14,490.00	14,490.00				8,694.00
Máy tính sách tay	T33022006-60102-1	1		10,000.00	10,000.00				
Máy tính sách tay	T33022006-60102-2	1		10,000.00	10,000.00				
Máy tính xách tay HP 240	T33022008-60102-27	1		14,490.00				14,490.00	8,307.60
Máy vi tính xách tay Del Ins 3467	T33022008-60102-1	1		11,590.00	11,590.00				
Máy tính xách tay	T33022009-60102-16	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
Máy tính xách tay	T33022009-60102-22	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
máy tính HP	T33022010-60102-4	1		14,800.00	14,800.00				
Máy tính HP (Lều)	T33022010-60102-31	1		14,000.00	14,000.00				11,200.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy tính HP (Quỳnh)	T33022010-60102-25	1		12,485.00	12,485.00				9,988.00
Dell 3570	T33022011-60102-3	1		14,500.00		14,500.00			2,900.00
Dell 3570	T33022011-60102-7	1		14,950.00		14,950.00			5,980.00
HP 248G8	T33022011-502-4	1		10,800.00		10,800.00			
2019	T33022011-60102-2	1		14,900.00		14,900.00			
Máy vi tính xách tay	T33022012-60102-18	1		14,980.00	14,980.00				
Máy vi tính xách tay	T33022012-60102-15	1		15,000.00	15,000.00				
Máy vi tính xách tay	T33022012-60102-19	1		14,980.00	14,980.00				
Máy vi tính xách tay (DELL)	T33022012-60102-49	1		13,900.00	13,900.00				8,340.00
Máy vi tính xách tay (DELL)	T33022012-60102-46	1		13,900.00	13,900.00				8,340.00
Máy vi tính xách tay (DELL)	T33022012-60102-47	1		13,900.00	13,900.00				8,340.00
Máy vi tính xách tay (DELL)	T33022012-60102-48	1		13,900.00	13,900.00				8,340.00
Máy tính xách tay	T33022012003-502-22	1		14,525.00			14,525.00		
Máy tính xách tay	T33022012003-502-21	1		15,530.00	15,530.00				
máy tính xách tay	T33022012003-60102-106	1		40,000.00			40,000.00		32,000.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy tính xách tay (03 cái)	T3302201200 3-502-63	1		39,000.00				39,000.00	
Máy tính xách tay HP (03 cái)	T3302201200 3-60102-40	1		44,940.00				44,940.00	8,988.00
Máy tính xách tay 3 cái	T3302201200 3-60102-99	1		41,700.00				41,700.00	25,020.00
Máy laptop DELL	T3302201200 4-502-6	1		20,900.00	10,450.00	10,450.00			
Máy vi tính xách tay	T3302201200 4-60102-104	1		14,980.00	14,980.00				2,996.00
Máy vi tính xách tay	T3302201200 4-502-12	1		12,990.00	12,990.00				
Máy vi tính xách tay	T3302201200 4-60102-61	1		14,200.00	14,200.00				
Máy vi tính xách tay	T3302201200 4-60102-103	1		14,980.00	14,980.00				2,996.00
Máy vi tính xách tay	T3302201200 4-60102-62	1		14,800.00	14,800.00				
Máy vi tính xách tay	T3302201200 4-60102-69	1		14,990.00	14,990.00				2,998.00
Máy Laptop Tosiba C640-1053 U	T3302201200 5-502-18	1		8,600.00				8,600.00	
Máy vi tính sách tay	T3302201200 5-502-3	1		12,000.00	12,000.00				
Máy vi tính sách tay Acer	T3302201200 5-502-19	1		14,525.00				14,525.00	
máy vi tính toshiba c640-1053u	T3302201200 5-502-17	1		6,000.00				6,000.00	
Máy Laptop Dell 01	T3302201200 6-60102-23	1		13,900.00		13,900.00			5,560.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy Laptop Dell 02	T3302201200 6-60102-24	1		13,900.00		13,900.00			5,560.00
Máy Laptop Dell 03	T3302201200 6-60102-25	1		13,900.00		13,900.00			5,560.00
Máy Laptop Dell 04	T3302201200 6-60102-26	1		13,900.00		13,900.00			5,560.00
Máy Laptop Dell 05	T3302201200 6-60102-27	1		13,900.00		13,900.00			5,560.00
Máy Laptop HP 2	T3302201200 6-60102-22	1		14,525.00		14,525.00			2,905.00
Máy vi tính xách tay	T3302201200 6-502-13	1		70,000.00	70,000.00				
laptop ASUS P450	T3302201200 9-502-42	1		13,800.00	13,800.00				
Laptop toshiba c640_10534	T3302201200 9-502-1	1		8,300.00		8,300.00			
Máy tính sách tay DELL INS 3480 (01)	T3302201200 9-60102-45	1		14,980.00	14,980.00				
Máy tính sách tay DELL INS 3480 (02)	T3302201200 9-60102-46	1		14,980.00	14,980.00				
Máy tính sách tay DELL LATITUS 3420 (Hiệu trưởng)	T3302201200 9-60102-163	1		13,900.00		13,900.00			8,340.00
Máy tính sách tay DELL LATITUS 3420 (KẾ TOÁN)	T3302201200 9-60102-164	1		13,900.00		13,900.00			8,340.00
Máy tính sách tay DELL LATITUS 3420 (Văn phòng 1)	T3302201200 9-60102-165	1		13,900.00		13,900.00			8,340.00
Máy tính sách tay DELL LATITUS 3420 (Y tế)	T3302201200 9-60102-166	1		13,900.00		13,900.00			8,340.00
Máy tính sách tay DELL LATITUS 3420 (P Hiệu trưởng)	T3302201200 9-60102-162	1		13,900.00		13,900.00			8,340.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy vi tính sách tay 14 inch LENOVO (1-24)	T33022012009-60102-208	1		14,900.00				14,900.00	12,913.33
Máy vi tính sách tay 14 inch LENOVO (2-24)	T33022012009-60102-209	1		14,900.00				14,900.00	12,913.33
Máy vi tính sách tay 14 inch LENOVO (3-24)	T33022012009-60102-210	1		14,900.00				14,900.00	12,913.33
Máy vitính ACER P245M	T33022012009-502-44	1		14,525.00	14,525.00				
máy vitính asus x450	T33022012009-502-43	1		13,500.00	13,500.00				
máy tính	T33022012010-60102-39	1		40,000.00			40,000.00		8,000.00
Máy tính xách tay	T33022012010-60102-47	1		30,000.00			30,000.00		18,000.00
Máy tính xách tay (1 cái)	T33022012010-60102-103	1		14,900.00				14,900.00	12,665.00
Máy tính xách tay (1 cái)	T33022012010-60102-105	1		14,900.00				14,900.00	12,665.00
Máy tính xách tay DELL	T33022013-60102-13	1		15,000.00	15,000.00				9,000.00
Máy tính xách tay DELL	T33022013-60102-15	1		15,000.00	15,000.00				9,000.00
Máy tính xách tay DELL	T33022013-60102-16	1		15,000.00	15,000.00				9,000.00
Máy tính xách tay DELL	T33022013-60102-14	1		15,000.00	15,000.00				9,000.00
Máy tính xách tay (2 cái)	T33022013-60102-3	1		29,700.00	29,700.00				5,940.00
Máy laptop HP	T33022014-60102-14	1		14,485.00	14,485.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy tính HP	T33022014-60102-4	1		15,000.00	15,000.00				12,000.00
máy laptop Dell Inspiron 3148	T33022016-502-14	1		44,946.00	44,946.00				
máy laptop 248_K3y04PA	T33022016-502-13	1		42,108.00		42,108.00			
May loptop 248_k8Z69P	T33022016-502-10	1		45,496.00		45,496.00			
Máy tính xách tay Asus	T33022016-60102-31	1		14,630.00			14,630.00		10,728.67
Máy tính xách tay Asus	T33022016-60102-30	1		14,630.00			14,630.00		10,728.67
Máy tính xách tay	T33022018-502-4	1		18,997.00				18,997.00	
Máy tính sách tay Asus	T33022019-60102-51	1		14,630.00	14,630.00				8,778.00
MTXT04	T33022019-60102-43	1		14,485.00	14,485.00				2,897.00
Máy tính xách tay HP	T33022020-502-15	1		14,500.00	14,500.00				11,600.00
Máy vi tính compaq	T33022020-502-6	1		13,000.00	13,000.00				
Máy tính xách tay	T33022025-502-14	1		12,590.00	12,590.00				
Máy tính xách tay	T33022025-502-13	1		11,374.00				11,374.00	
máy tính xách tay	T33022026-502-11	1		11,374.00				11,374.00	
INTEL CORE I3	T33022027-60102-100	1		14,450.00			14,450.00		5,780.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
INTEL CORE I3	T33022027-60102-101	1		14,450.00			14,450.00		5,780.00
INTEL CORE I3	T33022027-60102-99	1		14,450.00			14,450.00		5,780.00
MÁY TÍNH LAPTOP DELL	T33022027-60102-111	1		14,200.00	14,200.00				5,680.00
máy tính xách tay	T33022027-502-98	1		13,000.00	13,000.00				
Máy tính xách tay ACL (HẬN)	T33022027-60102-146	1		13,900.00			13,900.00		11,120.00
Máy tính xách tay ASUS	T33022027-60102-125	1		14,630.00			14,630.00		8,778.00
Máy tính xách tay DELL	T33022027-60102-9	1		14,900.00	14,900.00				
Máy tính xách tay DELL I3	T33022027-60102-121	1		13,800.00	13,800.00				8,280.00
Máy tính xách tay DELL I3	T33022027-60102-122	1		13,800.00	13,800.00				8,280.00
MÁY TÍNH XÁCH TAY DELL LATITUDE CORE I3	T33022027-60102-116	1		13,800.00	13,800.00				8,280.00
MÁY TÍNH XÁCH TAY DELL LATITUDE CORE I5	T33022027-60102-117	1		14,980.00	14,980.00				8,988.00
Máy tính xách tay hp	T33022027-60102-135	1		15,000.00	15,000.00				13,750.00
Máy tính xách tay hp (TÙNG CT)	T33022027-60102-140	1		15,000.00	15,000.00				12,000.00
VTPCT01	T33022027-502-10	1		13,500.00	13,500.00				
VTPCT01	T33022027-60102-11	1		14,980.00	14,980.00				2,996.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
VTPCT02	T33022027-60102-22	1		14,500.00	14,500.00				2,900.00
VTVP01	T33022027-60102-13	1		15,000.00	15,000.00				
VTVP02	T33022027-60102-14	1		28,000.00			28,000.00		5,600.00
Dell	T33022031-60102-26	1		14,280.00	14,280.00				
Máy tính bảng	T33022031-60102-40	1		15,000.00	15,000.00				
Máy tính bảng Ipad 8	T33022031-60102-46	1		16,350.00	16,350.00				3,270.00
Máy tính bảng Ipad 8	T33022031-60102-48	1		16,350.00	16,350.00				3,270.00
Máy tính bảng Ipad 8	T33022031-60102-49	1		16,350.00	16,350.00				3,270.00
Máy tính bảng Ipad 8	T33022031-60102-47	1		16,350.00	16,350.00				3,270.00
Máy tính bảng Ipad 8	T33022031-60102-50	1		16,350.00	16,350.00				3,270.00
Máy vi tính xách tay HP 1107	T33022031-60102-45	1		14,485.00	14,485.00				2,897.00
Máy vi tính xách tay HP 240G8	T33022031-60102-66	1		14,490.00	14,490.00				5,796.00
Máy vi tính xách tay HP 240G8	T33022031-60102-67	1		14,490.00	14,490.00				5,796.00
Máy vi tính xách tay HP 240G8	T33022031-60102-64	1		14,490.00	14,490.00				5,796.00
Máy vi tính xách tay HP 240G8	T33022031-60102-62	1		14,490.00	14,490.00				5,796.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy vi tính xách tay HP 240G8	T33022031-60102-63	1		14,490.00	14,490.00				5,796.00
Máy vi tính xách tay HP 240G8	T33022031-60102-61	1		14,490.00	14,490.00				5,796.00
Máy vi tính xách tay HP 340s G7	T33022031-60102-71	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
Máy vi tính xách tay	T33022034-60102-8	1		14,200.00	14,200.00				2,840.00
Máy tính xách tay (1 cái)	T33022099-502-20	1							
Máy tính xách tay (1 cái)	T33022099-502-19	1							
Máy in	60103	9		81,224.00	70,590.00			10,634.00	
Máy in (GD)	T33022001-503-8	1		5,400.00	5,400.00				
Máy in kim	T33022001-503-7	1		5,200.00				5,200.00	
Máy in các loại	T33022012006-503-9	1		50,000.00	50,000.00				
Máy in	T33022014-503-3	1		5,990.00	5,990.00				
máy in Brother	T33022016-503-5	1		9,200.00	9,200.00				
Máy in đa năng	T33022018-503-3	1		5,434.00				5,434.00	
Máy in đa chức năng (1 cái)	T33022099-503-16	1							
Máy in đa chức năng (2 cái)	T33022099-503-15	1							
Máy in thường (3 cái)	T33022099-518-14	1							

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy Fax	60104	2		46,654.04	20,000.00		26,654.04		15,992.42
Máy Fax	T33022012006-505-12	1		20,000.00	20,000.00				
Máy quét chuyên dụng Brother	T33022027-60104-126	1		26,654.04			26,654.04		15,992.42
Máy Photocopy	60106	34		1,874,484.00	840,664.00	432,200.00	242,330.00	359,290.00	244,955.21
Máy Photocopy đa chức năng Bizhub 266i	T33022003-60106-42	1		69,000.00		69,000.00			41,400.00
canoon IR2004N	T33022010-507-3	1		26,000.00	26,000.00				
2019	T33022011-60106-1	1		75,000.00				75,000.00	
Máy Photocopy	T33022012-60106-17	1		74,990.00	74,990.00				
Máy photo	T33022012003-507-17	1		25,300.00			25,300.00		
Máy photocopy Sharp	T33022012003-60106-39	1		59,890.00				59,890.00	14,972.50
Máy Photocopy	T33022012004-60106-106	1		74,990.00	74,990.00				18,747.50
Máy Photocopy	T33022012004-507-7	1		34,000.00	34,000.00				17,708.33
Máy pho to Canon 2420	T33022012005-507-1	1		25,300.00				25,300.00	
Máy Photo Canon	T33022012006-60106-55	1		60,000.00		60,000.00			15,000.00
Máy Photo Canon Sharp AR-6031	T33022012006-60106-56	1		60,000.00		60,000.00			15,000.00
Máy photocopy Sharp AR 6031 NV	T33022012006-60106-6	1		59,890.00			59,890.00		26,201.87

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy photo KONICA MINOL TA	T33022012009-60106-15	1		42,500.00	42,500.00				
Máy photocopy IR 2625i	T33022012009-60106-160	1		44,000.00		44,000.00			29,700.00
máy photo	T33022012010-60106-73	1		52,250.00			52,250.00		31,350.00
máy photo	T33022012010-60106-27	1		59,890.00			59,890.00		
Máy photocopy	T33022013-60106-4	1		66,000.00	66,000.00				16,500.00
máy pho to coppy Toshiba 245	T33022016-507-1	1		50,000.00	50,000.00				
May photo bizhub 226	T33022016-507-16	1		49,780.00	49,780.00				
Máy photocopy wshap AR-5726 (4 cái)	T33022016-507-2	1		199,200.00		199,200.00			
Máy photo coppy	T33022018-507-6	1		30,000.00	30,000.00				
Máy photo	T33022025-507-3	1		49,800.00				49,800.00	
Máy photo coppy	T33022025-507-12	1		45,804.00	45,804.00				
Máy photo	T33022026-507-10	1		35,000.00	35,000.00				
Máy photo	T33022026-507-1	1		49,800.00				49,800.00	
máy photo	T33022026-507-14	1		36,500.00	36,500.00				
PHOTODU01	T33022027-60106-20	1		45,000.00			45,000.00		

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
PHOTOVP01	T33022027-60106-12	1		64,000.00	64,000.00				
Máy photocopy canon 2525w sử dụng văn phòng ủy ban	T33022028-60106-267	1		63,000.00	63,000.00				
Máy photocopy RICH M2701 sử dụng tổ 1 cửa(chưa biết giá)	T33022028-60106-290	1							
Máy photocopy RICOH M2701 sử dụng VP đảng ủy xã Nam Du	T33022028-60106-261	1		50,000.00				50,000.00	
Máy Photocopy sử dụng Văn phòng UBND	T33022028-507-8	1		49,500.00				49,500.00	
Máy photo Sharp M35	T33022031-60106-41	1		73,500.00	73,500.00				18,375.00
Máy photo Sharp 460	T33022031-60106-25	1		74,600.00	74,600.00				
Máy điều hòa không khí	60107	67		1,264,973.66	980,811.00	82,535.66	163,400.00	38,227.00	440,506.29
Máy lạnh	T33022001-518-2	1		10,727.00				10,727.00	
Máy lạnh	T33022001-518-4	1		16,000.00				16,000.00	
Máy lạnh Aqua 1,5HP	T33022003-60107-17	1		10,000.00		10,000.00			1,250.00
Máy lạnh GREE Model: INVERTER CHARM18CI - 2HP	T33022003-6020210-43	1		18,535.66		18,535.66			13,901.74
Máy lạnh Panasonic	T33022008-60107-2	1		15,300.00	15,300.00				3,825.00
Máy lạnh ToShiba	T33022008-60107-10	1		11,500.00				11,500.00	7,187.50
Máy điều hòa không khí	T33022009-60107-26	1		18,900.00	18,900.00				11,812.50
Máy điều hòa không khí	T33022009-60107-19	1		18,900.00	18,900.00				11,812.50

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy điều hòa không khí	T33022009-60107-23	1		18,900.00	18,900.00				11,812.50
Máy điều hòa không khí	T33022009-60107-25	1		18,900.00	18,900.00				11,812.50
Máy điều hòa không khí	T33022009-60107-27	1		18,900.00	18,900.00				11,812.50
Máy điều hòa không khí	T33022009-60107-24	1		18,900.00	18,900.00				11,812.50
máy lạnh 02 ngựa	T33022012003-60107-112	1		120,000.00			120,000.00		105,000.00
Máy lạnh 1 ngựa rưỡi	T33022012003-60107-113	1		24,000.00			24,000.00		21,000.00
Máy lạnh AQUA	T33022012004-60107-63	1		14,025.00	14,025.00				5,259.38
Máy lạnh AQUA	T33022012004-60107-65	1		14,800.00	14,800.00				5,550.00
Máy lạnh AQUA	T33022012004-60107-64	1		14,800.00	14,800.00				5,550.00
Máy lạnh AQUA	T33022012004-60107-67	1		12,500.00	12,500.00				6,250.00
Máy lạnh AQUA	T33022012004-60107-68	1		12,500.00	12,500.00				6,250.00
Máy điều hòa không khí	T33022012006-518-16	1		60,000.00	60,000.00				
Máy lạnh AQUa 1	T33022012006-60107-64	1		12,000.00		12,000.00			1,500.00
Máy lạnh AQUa 2	T33022012006-60107-67	1		12,000.00		12,000.00			1,500.00
Máy lạnh AQUa 3	T33022012006-60107-70	1		12,000.00		12,000.00			1,500.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy lạnh Hitachi 1	T3302201200 6-60107-54	1		17,580.00	17,580.00				2,197.50
Máy lạnh Hitachi 2	T3302201200 6-60107-57	1		17,580.00	17,580.00				2,197.50
Máy lạnh Hitachi 3	T3302201200 6-60107-58	1		17,580.00	17,580.00				2,197.50
Máy lạnh Tosiba 1	T3302201200 6-60107-73	1		13,700.00	13,700.00				8,562.50
Máy lạnh Tosiba 1.5HP	T3302201200 6-60107-48	1		13,700.00	13,700.00				1,712.50
Máy lạnh Tosiba 2	T3302201200 6-60107-76	1		13,700.00	13,700.00				8,562.50
Máy lạnh Tosiba 3	T3302201200 6-60107-79	1		13,700.00	13,700.00				8,562.50
Máy lạnh Tosiba 4	T3302201200 6-60107-83	1		13,700.00	13,700.00				8,562.50
Máy lạnh panasonic N12vKH	T3302201200 9-60107-30	1		12,850.00	12,850.00				3,212.50
Máy lạnh panasonic N12vkh (02)	T3302201200 9-60107-31	1		12,850.00	12,850.00				3,212.50
Máy lạnh panasonic N18vkh (01)	T3302201200 9-60107-25	1		17,580.00	17,580.00				4,395.00
Máy lạnh panasonic N18vkh (02)	T3302201200 9-60107-26	1		17,580.00	17,580.00				4,395.00
Máy lạnh panasonic N18vkh (03)	T3302201200 9-60107-27	1		17,580.00	17,580.00				4,395.00
Máy lạnh panasonic N18vkh (04)	T3302201200 9-60107-28	1		17,580.00	17,580.00				4,395.00
Máy lạnh panasonic N18vkh (05)	T3302201200 9-60107-29	1		17,580.00	17,580.00				4,395.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy lạnh tohiba 1.5 HP	T3302201200 9-60107-24	1		13,700.00	13,700.00				3,425.00
Máy Lạnh	T3302201201 0-518-24	1		18,000.00		18,000.00			
máy lạnh	T3302201201 0-60107-43	1		26,100.00	26,100.00				16,312.50
Máy lạnh Toshiba (5 cái)	T33022013- 60107-5	1		77,500.00	77,500.00				38,750.00
Máy lạnh (3 cái)	T33022014- 60107-9	1		30,000.00	30,000.00				
Máy điều hòa không khí	T33022015- 518-5	1		9,900.00	9,900.00				
Máy điều hòa không khí	T33022015- 518-4	1		9,900.00	9,900.00				
máy điều panasonic (2cai)	T33022016- 518-3	1		19,800.00	19,800.00				
Máy lạnh 2HP LG	T33022016- 60107-32	1		19,400.00			19,400.00		16,166.67
MDH01	T33022019- 518-11	1		13,000.00	13,000.00				
Máy lạnh Mitsubisi	T33022020- 518-7	1		22,200.00	22,200.00				
Máy lạnh	T33022025- 60107-26	1		14,499.00	14,499.00				5,437.13
Máy lạnh	T33022025- 60107-25	1		14,499.00	14,499.00				5,437.13
Máy lạnh	T33022025- 60107-24	1		14,499.00	14,499.00				5,437.13
Máy lạnh	T33022025- 60107-27	1		14,499.00	14,499.00				5,437.13

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy lạnh 2 ngựa Công an xã	T33022027-60107-129	1		19,500.00	19,500.00				14,625.00
MLĐU01	T33022027-60107-21	1		13,000.00	13,000.00				
MLĐU02	T33022027-60107-26	1		34,000.00	34,000.00				
MLĐU03	T33022027-60107-27	1		17,000.00	17,000.00				2,125.00
MLVP01	T33022027-60107-16	1		10,500.00	10,500.00				
Panasonic 2HP	T33022031-518-14	1		14,900.00	14,900.00				
Panasonic 2HP	T33022031-518-9	1		14,900.00	14,900.00				
Panasonic 2HP	T33022031-518-15	1		14,900.00	14,900.00				
Panasonic 2HP	T33022031-518-12	1		14,900.00	14,900.00				
Panasonic 2HP	T33022031-518-10	1		14,900.00	14,900.00				
Panasonic 2HP	T33022031-518-11	1		14,900.00	14,900.00				
Panasonic 2HP	T33022031-518-13	1		14,900.00	14,900.00				
Máy lạnh	T33022034-60107-7	1		10,250.00	10,250.00				
Máy lạnh (5 máy)	T33022099-518-13	1							
Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh	60108	18		238,330.00	178,330.00		60,000.00		48,750.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bàn ghế làm việc	T33022001-521-22	1		15,000.00	15,000.00				
Bàn ghế làm việc	T33022001-521-25	1		12,200.00	12,200.00				
Bàn ghế GV	T33022012003-60108-109	1		30,000.00	30,000.00				26,250.00
Bàn ghế làm việc 01/15	T33022012009-521-32	1		11,620.00	11,620.00				
Bàn ghế làm việc 02/15	T33022012009-521-33	1		11,620.00	11,620.00				
bộ sofa	T33022012010-60108-32	1		60,000.00			60,000.00		22,500.00
Bàn làm việc (2Cai) và bàn hop	T33022016-521-12	1		16,500.00	16,500.00				
Ghế làm việc	T33022016-521-11	1		5,000.00	5,000.00				
Bàn làm việc	T33022020-521-10	1		19,090.00	19,090.00				
bàn ghế làm việc	T33022025-521-9	1		23,000.00	23,000.00				
bàn lam việc	T33022025-521-8	1		8,500.00	8,500.00				
bàn làm việc	T33022025-521-7	1		7,600.00	7,600.00				
bàn làm việc	T33022025-521-10	1		8,500.00	8,500.00				
ghế xếp	T33022025-521-6	1		9,700.00	9,700.00				
Bàn đọc tin bài (1 bản)	T33022099-521-6	1							

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bàn làm việc (10 bàn)	T33022099-521-5	1							
Bàn vi tính meca (1 bàn)	T33022099-521-7	1							
Ghế xoay làm việc (9 cái)	T33022099-521-8	1							
Bộ bàn ghế tiếp khách	60109	16		268,409.00	165,709.00	47,700.00		55,000.00	62,517.00
Bộ sa lon (PGĐ)	T33022001-522-1	1		10,000.00	10,000.00				
Bàn tiếp khách	T33022003-522-3	1		14,800.00		14,800.00			
Bộ bàn ghế tiếp khách	T33022003-60109-39	1		32,900.00		32,900.00			20,562.50
Bộ bàn ghế	T33022012-60109-16	1		20,000.00	20,000.00				2,500.00
Bộ ghế salon	T33022012004-60109-60	1		27,500.00				27,500.00	3,437.50
Bộ ghế salon	T33022012004-60109-59	1		27,500.00				27,500.00	3,437.50
Bộ bàn ghế tiếp khách	T33022012006-60109-20	1		10,000.00	10,000.00				3,750.00
Bộ bàn ghế tiếp khách	T33022012006-522-11	1		20,000.00	20,000.00				
Bàn ghế tiếp khách 01/15	T33022012009-522-34	1		16,000.00	16,000.00				
Bàn ghế tiếp khách 02/15	T33022012009-522-35	1		16,000.00	16,000.00				
Bộ bàn ghế tiếp khách (4 bộ)	T33022013-60109-7	1		28,000.00	28,000.00				14,000.00
Bộ bàn ghế tiếp khách	T33022014-60109-13	1		15,000.00	15,000.00				9,375.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bàn inox ống 32	T33022020-522-13	1		10,909.00	10,909.00				5,454.50
bàn kiếng	T33022025-522-4	1		9,600.00	9,600.00				
bộ bàn ghế tiếp khách	T33022025-522-5	1		10,200.00	10,200.00				
Salong gỗ	T33022099-522-4	1							
Bàn ghế họp	60110	14		727,412.00	684,172.00	26,300.00		16,940.00	39,750.00
Bàn họp, bàn chủ tọa (12 cái)	T33022001-523-12	1		32,400.00	32,400.00				
Bàn họp nhỏ	T33022001-523-11	1		10,000.00	10,000.00				
Bàn họp 1,2x2,4m + 8 ghế	T33022003-523-6	1		16,800.00		16,800.00			
Ghế hội trường	T33022003-523-5	1		9,500.00		9,500.00			
Bàn ghế phòng họp, hội trường, lớp học	T33022012006-523-10	1		50,000.00	50,000.00				
BG01	T33022019-523-18	1		14,000.00	14,000.00				
Bàn họp có ngăn, học	T33022020-523-11	1		40,909.00	40,909.00				
Bàn hội trường	T33022020-523-8	1		136,363.00	136,363.00				
Ghế đại HAGL	T33022020-523-9	1		82,500.00	82,500.00				
bàn hội trường	T33022026-523-4	1		9,900.00				9,900.00	
Ghế hội trường	T33022026-523-3	1		7,040.00				7,040.00	

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
BÀNĐU	T33022027-60110-24	1		186,000.00	186,000.00				23,250.00
GHẾ01	T33022027-60110-25	1		132,000.00	132,000.00				16,500.00
Bàn họp (1 cái)	T33022099-523-21	1							
Tủ đựng tài liệu	60111	2		35,000.00	10,000.00		25,000.00		20,000.00
Tủ hồ sơ	T33022012003-60111-108	1		25,000.00			25,000.00		20,000.00
Tủ đựng tài liệu	T33022012006-60111-19	1		10,000.00	10,000.00				
Máy scan	60112	4		43,900.00	10,000.00	23,900.00	10,000.00		27,226.67
Máy Scan 2 mặt HP 3000S4	T33022003-60112-40	1		13,900.00		13,900.00			5,560.00
Máy scan	T33022012003-60112-96	1		10,000.00			10,000.00		7,833.33
Máy Scan HP 2000S2	T33022012009-60112-201	1		10,000.00		10,000.00			7,833.33
Máy Scan HP 2000S2	T33022012010-60112-96	1		10,000.00	10,000.00				6,000.00
Quạt	60113	1		10,000.00	10,000.00				
Quạt	T33022012006-60113-21	1		10,000.00	10,000.00				
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	60115	10		274,812.24	167,462.24		107,350.00		101,274.90
Ghế đai (40 cái)	T33022001-528-32	1		32,000.00	32,000.00				
Phong, màn phòng họp	T33022001-528-33	1		19,500.00	19,500.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy lạnh Toshiba RAS-H13-1,5HP	T33022003-60115-25	1		11,900.00			11,900.00		2,380.00
Máy lạnh Toshiba RAS-H13-1,5HP	T33022003-60115-24	1		11,900.00			11,900.00		2,380.00
Ổn áp 20K	T33022012003-60115-85	1		13,962.24	13,962.24				5,584.90
Ti vi TCL 55 inch (2 cái)	T33022012003-60115-82	1		36,000.00	36,000.00				14,400.00
Ti vi TCL 55 inch (2 cái)	T33022012003-60115-83	1		36,000.00	36,000.00				14,400.00
Ti vi 4K (2 cái)	T33022012003-60115-84	1		30,000.00	30,000.00				12,000.00
màn hình chức năng	T33022012010-60115-74	1		66,000.00			66,000.00		39,600.00
ổn áp 20 KVA	T33022012010-60115-70	1		17,550.00			17,550.00		10,530.00
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	602	210		6,342,681.36	3,214,186.36	1,269,540.00	471,075.00	1,387,880.00	1,918,092.78
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng loại với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (nhóm 601)	60201	48		1,145,750.36	432,550.36	300,600.00	90,000.00	322,600.00	381,893.98
Máy vi tính để bàn	6020101	22		552,150.00	14,550.00	258,000.00		279,600.00	119,160.00
Máy tính bàn (20 bộ)	T33022012003-6020101-44	1		279,600.00				279,600.00	55,920.00
Máy tính để bàn FPT Elead 1	T33022012006-6020101-87	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 10	T33022012006-6020101-66	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy tính để bàn FPT Elead 11	T3302201200 6-6020101-69	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 12	T3302201200 6-6020101-72	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 13	T3302201200 6-6020101-75	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 14	T3302201200 6-6020101-78	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 15	T3302201200 6-6020101-81	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 16	T3302201200 6-6020101-82	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 17	T3302201200 6-6020101-89	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 18	T3302201200 6-6020101-91	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 19	T3302201200 6-6020101-93	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 2	T3302201200 6-6020101-90	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 20	T3302201200 6-6020101-95	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 3	T3302201200 6-6020101-92	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 4	T3302201200 6-6020101-94	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 5	T3302201200 6-6020101-96	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 6	T3302201200 6-6020101-49	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy tính để bàn FPT Elead 7	T3302201200 6-6020101-53	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 8	T3302201200 6-6020101-60	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy tính để bàn FPT Elead 9	T3302201200 6-6020101-63	1		12,900.00		12,900.00			2,580.00
Máy vi tính đề bàn FPT	T33022026- 60101-18	1		14,550.00	14,550.00				11,640.00
Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)	6020102	6		133,114.00	73,114.00		60,000.00		17,940.00
máy tính	T3302201201 0-6020102-37	1		60,000.00			60,000.00		
Máy vi tính xách tay Dell (01)	T33022013- 6020102-11	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
Máy tính xách tay HP	T33022017- 6020102-5	1		15,000.00	15,000.00				6,000.00
MTXT01	T33022019- 6020102-14	1		13,414.00	13,414.00				
MTXT02	T33022019- 6020102-15	1		14,850.00	14,850.00				2,970.00
MTXT03	T33022019- 6020102-16	1		14,850.00	14,850.00				2,970.00
Máy Photocopy	6020106	3		141,200.00	98,200.00			43,000.00	56,560.00
Máy photocopy	T3302201200 3-6020106-61	1		43,000.00				43,000.00	
MPT01	T33022019- 6020106-17	1		40,000.00	40,000.00				10,000.00
Máy photocopy iR2725i	T33022026- 6020106-20	1		58,200.00	58,200.00				46,560.00
Máy điều hòa không khí	6020107	12		229,700.00	212,500.00	17,200.00			131,555.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy lạnh Hisene 1.5HP	T33022003-6020107-46	1		17,200.00		17,200.00			15,050.00
Máy điều hòa (04 cái)	T33022012003-6020107-59	1		66,000.00	66,000.00				24,750.00
Máy lạnh Capper 2HP	T33022012004-6020107-116	1		14,990.00	14,990.00				9,368.75
MDH02	T33022019-60107-12	1		11,900.00	11,900.00				5,950.00
MDH03	T33022019-60107-13	1		11,900.00	11,900.00				5,950.00
Máy điều hoà 1HP (LG)	T33022026-6020107-26	1		11,160.00	11,160.00				9,765.00
Máy điều hoà 1,5 HP	T33022026-6020107-24	1		12,370.00	12,370.00				10,823.75
Máy điều hoà 2HP (LG)	T33022026-6020107-23	1		18,330.00	18,330.00				16,038.75
Máy điều hoà 2HP (LG)	T33022026-6020107-25	1		18,330.00	18,330.00				16,038.75
Máy lạnh Panasonic 2HP	T33022031-6020107-37	1		15,840.00	15,840.00				5,940.00
Máy lạnh Panasonic 2HP	T33022031-6020107-36	1		15,840.00	15,840.00				5,940.00
Máy lạnh Panasonic 2HP	T33022031-6020107-35	1		15,840.00	15,840.00				5,940.00
Bộ bàn ghế tiếp khách	6020109	3		39,950.00	14,550.00	25,400.00			20,406.25
Bộ bàn ghế tiếp khách	T33022003-6020109-22	1		12,000.00		12,000.00			6,000.00
Bàn ghế sofa tiếp khách	T33022012006-6020109-97	1		13,400.00		13,400.00			1,675.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bộ bàn ghế (bộ phận một cửa)	T33022026-6020109-21	1		14,550.00	14,550.00				12,731.25
Bàn ghế họp	6020110	1		19,636.36	19,636.36				12,272.73
Bàn ghế họp	T33022009-6020110-17	1		19,636.36	19,636.36				12,272.73
Tủ đựng tài liệu	6020111	1		30,000.00			30,000.00		24,000.00
Tủ hồ sơ	T33022012003-6020111-104	1		30,000.00			30,000.00		24,000.00
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	60202	162		5,196,931.00	2,781,636.00	968,940.00	381,075.00	1,065,280.00	1,536,198.80
Máy chiếu	6020201	5		107,275.00	66,375.00	20,000.00	20,900.00		
Máy chiếu	T33022012003-504-19	1		20,900.00			20,900.00		
Máy chiếu Sanyo PLC - XK 3010	T33022012009-504-2	1		20,900.00	20,900.00				
Máy chiếu	T33022012010-504-5	1		20,000.00		20,000.00			
Máy chiếu panasonic	T33022020-504-14	1		20,450.00	20,450.00				
Máy chiếu	T33022031-6020201-38	1		25,025.00	25,025.00				
Thiết bị lọc nước	6020202	1							
Bình nước nóng lạnh (2 cái)	T33022099-508-24	1							
Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	6020204	85		3,552,027.00	1,942,517.00	582,080.00	295,000.00	732,430.00	1,080,516.80

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Màn hình Tivi 75inch	T33022012-6020204-20	1		49,965.00	49,965.00				
Tì vi Sony	T33022012002-510-8	1		32,340.00	32,340.00				
Màn hình Tì vi 75 inch LG	T33022012003-6020204-41	1		54,730.00				54,730.00	10,946.00
Tì vi 49 inch TCL (10 cái)	T33022012003-6020204-62	1		122,000.00				122,000.00	
Tivi 65 in	T33022012003-6020204-107	1		125,000.00			125,000.00		100,000.00
Tivi 65 in	T33022012003-6020204-110	1		250,000.00	250,000.00				200,000.00
Tivi 65 inch (05 cái)	T33022012003-6020204-94	1		89,500.00				89,500.00	53,700.00
Tì vi	T33022012004-6020204-45	1		27,500.00				27,500.00	
Tì vi	T33022012004-6020204-49	1		27,500.00				27,500.00	
Tì vi	T33022012004-6020204-46	1		27,500.00				27,500.00	
Tì vi	T33022012004-6020204-56	1		27,500.00				27,500.00	
Tì vi	T33022012004-6020204-50	1		27,500.00				27,500.00	
Tì vi	T33022012004-6020204-58	1		27,500.00				27,500.00	
Tì vi	T33022012004-6020204-53	1		27,500.00				27,500.00	

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Ti vi	T3302201200 4-510-11	1		29,800.00	29,800.00				
Ti vi	T3302201200 4-6020204-44	1		27,500.00				27,500.00	
Ti vi	T3302201200 4-6020204-57	1		27,500.00				27,500.00	
Ti vi	T3302201200 4-6020204-52	1		27,500.00				27,500.00	
Ti vi	T3302201200 4-6020204-48	1		27,500.00				27,500.00	
Ti vi	T3302201200 4-6020204-55	1		27,500.00				27,500.00	
Ti vi	T3302201200 4-6020204-54	1		27,500.00				27,500.00	
Ti vi	T3302201200 4-6020204-51	1		27,500.00				27,500.00	
Ti vi	T3302201200 4-6020204-47	1		27,500.00				27,500.00	
Tivi Samsung	T3302201200 4-6020204- 108	1		13,990.00	13,990.00				5,596.00
Tivi Samsung	T3302201200 4-6020204- 109	1		13,990.00	13,990.00				5,596.00
Tivi ViewTouch LED 65inch 4 K	T3302201200 4-6020204- 107	1		54,730.00	54,730.00				10,946.00
Ti vi 51 inch	T3302201200 5-510-15	1		14,700.00	14,700.00				
Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	T3302201200 6-510-15	1		329,000.00	329,000.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Tivi LG 65" 01	T3302201200 6-6020204-43	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Tivi LG 65" 02	T3302201200 6-6020204-44	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Tivi LG 65" 03	T3302201200 6-6020204-45	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Tivi LG 65" 04	T3302201200 6-6020204-47	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Tivi LG 65" 05	T3302201200 6-6020204-46	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Tivi LG 75"	T3302201200 6-6020204-50	1		29,900.00		29,900.00			5,980.00
Tivi LG 76"	T3302201200 6-6020204-51	1		29,900.00		29,900.00			11,960.00
Tivi Panasonic 1	T3302201200 6-6020204-28	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi Panasonic 2	T3302201200 6-6020204-29	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 01	T3302201200 6-6020204-32	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 02	T3302201200 6-6020204-37	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 03	T3302201200 6-6020204-30	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 04	T3302201200 6-6020204-31	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 05	T3302201200 6-6020204-38	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 06	T3302201200 6-6020204-33	1		15,000.00		15,000.00			

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Tivi TCL 07	T3302201200 6-6020204-34	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 08	T3302201200 6-6020204-35	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi TCL 09	T3302201200 6-6020204-36	1		15,000.00		15,000.00			
Tivi Viettronics 01	T3302201200 6-6020204-39	1		30,000.00		30,000.00			18,000.00
Tivi Viettronics 02	T3302201200 6-6020204-40	1		30,000.00		30,000.00			18,000.00
Tivi Viettronics 03	T3302201200 6-6020204-41	1		30,000.00		30,000.00			18,000.00
Tivi Viettronics 04	T3302201200 6-6020204-42	1		30,000.00		30,000.00			18,000.00
Ti vi Full HD sam sung UAN	T3302201200 9-6020204-12	1		10,800.00	10,800.00				
Ti vi sảm sung 40 in	T3302201200 9-510-10	1		20,500.00	20,500.00				
Ti vi 43 ịch LED sam sung 43 M5503	T3302201200 9-510-11	1		14,400.00	14,400.00				
Ti vi 65 inch (chồi 1)	T3302201200 9-6020204- 156	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Ti vi 65 inch (chồi 2)	T3302201200 9-6020204- 158	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Ti vi 65 inch (Lá 2)	T3302201200 9-6020204- 157	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Ti vi 65 inch (Mầm 2)	T3302201200 9-6020204- 155	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Tì vi 65 inch (NHà trẻ)	T33022012009-6020204-154	1		17,900.00		17,900.00			10,740.00
Tì vi 75 inch (HT bánh xe kéo đầy)	T33022012009-6020204-153	1		29,900.00		29,900.00			17,940.00
Tivi Full HD sam sung Uan	T33022012009-6020204-13	1		10,800.00	10,800.00				
Tivi 75 inch LG	T33022012009-6020204-14	1		49,965.00	49,965.00				9,993.00
Tivi	T33022012010-510-6	1		28,380.00		28,380.00			
tivi	T33022012010-6020204-46	1		50,000.00			50,000.00		30,000.00
tivi	T33022012010-6020204-49	1		100,000.00			100,000.00		40,000.00
Tivi Viettronics 65 inch (1 cái)	T33022012010-6020204-102	1		17,900.00				17,900.00	15,215.00
Tivi Viettronics 65 inch (1 cái)	T33022012010-6020204-101	1		17,900.00				17,900.00	15,215.00
Tivi Viettronics 65 inch (1 cái)	T33022012010-6020204-100	1		17,900.00				17,900.00	15,215.00
tivi 55 in	T33022012010-6020204-44	1		25,500.00	25,500.00				10,200.00
TV	T33022012010-510-22	1		18,000.00	18,000.00				
Tivi samsung UA75H6400 AKXXV	T33022016-510-8	1		82,500.00	82,500.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Tivi UHD samsung UA 43 T6500AkXXv	T33022025-6020204-31	1		12,500.00	12,500.00				5,000.00
MCĐU01	T33022027-6020204-23	1		20,000.00			20,000.00		
Bộ thiết bị đầu cuối (VCS) UBND huyện	T33022031-6020204-51	1		276,000.00	276,000.00				110,400.00
Bộ thiết bị đầu cuối (VCS) UBND xã AS	T33022031-6020204-55	1		54,500.00	54,500.00				21,800.00
Bộ thiết bị đầu cuối (VCS) UBND xã LS	T33022031-6020204-54	1		54,500.00	54,500.00				21,800.00
Bộ thiết bị đầu cuối (VCS) UBND xã ND	T33022031-6020204-56	1		54,500.00	54,500.00				21,800.00
Màn hình led P3 phòng họp trực tuyến UBND huyện	T33022031-6020204-60	1		277,750.00	277,750.00				111,100.00
Ti vi SamSung 75 inch	T33022031-6020204-24	1		65,000.00	65,000.00				
Tivi LG 55 inch	T33022031-6020204-57	1		15,189.00	15,189.00				6,075.60
Tivi LG 55 inch	T33022031-6020204-58	1		15,189.00	15,189.00				6,075.60
Tivi LG 65 inch	T33022031-6020204-59	1		15,189.00	15,189.00				6,075.60
Tivi Samsung 55 inch	T33022031-6020204-69	1		14,000.00	14,000.00				5,600.00
Tivi Samsung 55 inch	T33022031-6020204-68	1		14,000.00	14,000.00				5,600.00
Tivi Samsung 55 inch	T33022031-6020204-70	1		14,000.00	14,000.00				5,600.00
Tivi Sony 75inch phòng họp trực tuyến UBND huyện	T33022031-6020204-52	1		39,220.00	39,220.00				15,688.00
Máy ảnh	6020206	2							

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy camera (1 máy)	T33022099-512-23	1							
Máy camera (1 máy)	T33022099-512-22	1							
Thiết bị âm thanh	6020207	32		915,705.00	356,935.00	354,710.00	53,175.00	150,885.00	254,312.00
Thiết bị âm thanh	T33022009-6020207-18	1		22,000.00	22,000.00				8,800.00
Dàn âm thanh	T33022012-6020207-6	1		34,100.00	34,100.00				
Bộ âm thanh học đường	T33022012003-513-20	1		53,175.00			53,175.00		
Loa tích hợp công suất	T33022012003-6020207-43	1		24,970.00				24,970.00	4,994.00
Bộ loa ngoài trời	T33022012004-513-8	1		53,600.00				53,600.00	
Loa tích hợp công suất	T33022012004-6020207-105	1		24,970.00	24,970.00				4,994.00
Thùng loa ngoài trời	T33022012004-6020207-66	1		11,700.00	11,700.00				2,340.00
Thùng Loa xách tay	T33022012004-6020207-111	1		11,700.00	11,700.00				4,680.00
Bo âm thanh học đường	T33022012005-513-2	1		53,175.00				53,175.00	
Bộ âm thanh	T33022012005-513-16	1		19,700.00	19,700.00				
Dàn âm thanh hội trường	T33022012006-6020207-61	1		25,000.00		25,000.00			10,000.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Loa kéo	T33022012006-6020207-134	1		12,900.00		12,900.00			5,160.00
Âm thanh hội trường	T33022012009-6020207-16	1		37,560.00	37,560.00				
Loa kéo công suất lớn MICROTEK	T33022012009-6020207-161	1		12,900.00		12,900.00			7,740.00
Bộ âm thanh học đường	T33022012010-513-2	1		53,000.00		53,000.00			
Hệ thống âm thanh	T33022012010-6020207-109	1		19,140.00				19,140.00	11,484.00
Thiết bị âm thanh	T33022013-6020207-8	1		20,000.00	20,000.00				4,000.00
dàn âm thanh	T33022026-513-2	1		6,700.00	6,700.00				
Dàn âm thanh LA8-F605	T33022026-6020207-22	1		24,250.00	24,250.00				19,400.00
Dàn âm thanh LA8-S118 (Hội trường)	T33022026-6020207-19	1		24,250.00	24,250.00				19,400.00
Dàn âm thanh TTVH xã	T33022027-6020207-144	1		77,250.00	77,250.00				61,800.00
Bộ âm thanh UC30 phòng họp trực tuyến UBND huyện	T33022031-6020207-53	1		24,660.00	24,660.00				9,864.00
Bộ thu âm thanh	T33022031-6020207-27	1		18,095.00	18,095.00				
Bộ tăng âm truyền thanh xã An Sơn	T33022099-6020207-32	1		89,540.00		89,540.00			17,908.00
Hệ thống loa trạm truyền thanh xã Lại Sơn	T33022099-6020207-39	1		49,720.00		49,720.00			19,888.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá				Giá trị còn lại	
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ		Nguồn khác
Hệ thống tăng âm	T33022099-6020207-34	1		17,800.00		17,800.00			
Loa di động (7 loa)	T33022099-6020207-29	1		17,500.00		17,500.00			3,500.00
Loa đứng	T33022099-6020207-37	1		16,500.00		16,500.00			
Loa phóng thanh 25w-Trạm truyền thanh ấp Hòn Mấu	T33022099-6020207-49	1		19,250.00		19,250.00			12,833.33
Loa truyền thanh 25w-Trạm truyền thanh xã Lại Sơn(30 cái)	T33022099-6020207-47	1		23,100.00		23,100.00			13,860.00
Mixer (2 cái)	T33022099-513-25	1							
Tăng âm truyền thanh IEM-PA800 -Trạm truyền thanh ấp Hòn Mấu	T33022099-6020207-51	1		17,500.00		17,500.00			11,666.67
Tủ lạnh, máy làm mát	6020210	10		127,400.00	127,400.00				4,000.00
Máy làm mát	T33022012-6020210-13	1		14,900.00	14,900.00				
Máy làm mát	T33022012-6020210-8	1		10,500.00	10,500.00				
Máy làm mát	T33022012-6020210-12	1		14,900.00	14,900.00				
Máy làm mát	T33022012-6020210-9	1		14,900.00	14,900.00				
Máy làm mát	T33022012-60115-38	1		10,000.00	10,000.00				4,000.00
Máy làm mát	T33022012-6020210-10	1		14,900.00	14,900.00				
Máy làm mát	T33022012-6020210-14	1		14,900.00	14,900.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy làm mát	T33022012-6020210-7	1		10,500.00	10,500.00				
Máy làm mát	T33022012-6020210-11	1		14,900.00	14,900.00				
máy nóng lạnh sanro	T33022016-516-4	1		7,000.00	7,000.00				
Thiết bị truyền dẫn	6020215	1		12,150.00		12,150.00			8,100.00
Dây truyền thanh chuyên dụng-Trạm truyền thanh áp Hòn Mấu(500m)	T33022099-6020215-50	1		12,150.00		12,150.00			8,100.00
Camera giám sát	6020216	1		12,000.00			12,000.00		9,600.00
camera	T33022012003-6020216-111	1		12,000.00			12,000.00		9,600.00
Máy bơm nước	6020218	1		10,000.00	10,000.00				
Máy bơm nước	T33022012006-519-17	1		10,000.00	10,000.00				
Két sắt	6020219	1		10,000.00	10,000.00				
Két sắt các loại	T33022012006-520-18	1		10,000.00	10,000.00				
Bàn ghế hội trường	6020220	6		148,500.00	148,500.00				55,687.50
Bàn chủ tọa	T33022031-6020220-29	1		33,000.00	33,000.00				12,375.00
Bàn chủ tọa	T33022031-6020220-31	1		33,000.00	33,000.00				12,375.00
Bàn chủ tọa	T33022031-6020220-30	1		33,000.00	33,000.00				12,375.00
Bàn thư ký	T33022031-6020220-33	1		16,500.00	16,500.00				6,187.50

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bàn thư ký	T33022031-6020220-32	1		16,500.00	16,500.00				6,187.50
Bục phát biểu	T33022031-6020220-34	1		16,500.00	16,500.00				6,187.50
Tủ, giá kê đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	6020221	15		119,909.00	119,909.00				
Kệ lưu trữ hồ sơ (3 cái)	T33022001-524-27	1		7,279.00	7,279.00				
Tủ hồ so (3 cái)	T33022001-524-28	1		14,850.00	14,850.00				
Tủ hồ sơ lớn	T33022001-524-26	1		7,000.00	7,000.00				
Tủ, giá kê đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	T33022012006-524-14	1		20,000.00	20,000.00				
tủ Rach 19" + Ổ đĩa	T33022016-524-15	1		10,285.00	10,285.00				
TU01	T33022019-524-19	1		13,500.00	13,500.00				
Tủ hồ sơ 4 ngăn	T33022020-524-12	1		29,545.00	29,545.00				
tủ hồ sơ	T33022025-524-15	1		5,200.00	5,200.00				
Tủ đựng hồ sơ	T33022026-524-16	1		6,250.00	6,250.00				
Tủ đựng hồ sơ	T33022026-524-15	1		6,000.00	6,000.00				
Kệ cây (2 cái)	T33022099-524-10	1							
Kệ sách (6 cái)	T33022099-524-26	1							

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Tủ kim loại (5 cái)	T33022099-524-12	1							
Tủ kính đựng hồ sơ (3 cái)	T33022099-524-9	1							
Tủ sắt (2 cái)	T33022099-524-11	1							
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	6020222	2		181,965.00				181,965.00	123,982.50
Bảng tương tác (02 cái)	T33022012003-6020222-95	1		132,000.00				132,000.00	99,000.00
Thiết bị dạy học đa năng bao gồm Ti vi 75 inch và phần mềm	T33022012003-6020222-42	1		49,965.00				49,965.00	24,982.50
Máy móc, thiết bị chuyên dùng	603	9		229,314.00	14,300.00	215,014.00			165,163.30
Máy vi tính để bàn	60301	1		14,300.00	14,300.00				2,860.00
máy tính để bàn (T)	T33022016-6030201-17	1		14,300.00	14,300.00				2,860.00
Thiết bị âm thanh	60322	1		24,500.00		24,500.00			19,191.67
Tăng âm truyền thanh IEM-PA0 -Trạm truyền thanh xã Lại Sơn	T33022099-60322-40	1		24,500.00		24,500.00			19,191.67
Thiết bị truyền dẫn	60330	1		20,655.00		20,655.00			14,458.50
Dây truyền thanh(850m)	T33022099-60330-48	1		20,655.00		20,655.00			14,458.50
Máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật (như: thiết bị âm thanh, ánh sáng, loa, micro, đèn...)	60338	1		16,400.00		16,400.00			13,120.00
Bàn khiển đèn dàn âm thanh 256 A Main 3 Kênh M-850	T33022099-60338-57	1		16,400.00		16,400.00			13,120.00
Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác	60339	5		153,459.00		153,459.00			115,533.13

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bàn bóng bàn 01	T33022099-60339-59	1		10,600.00		10,600.00			9,275.00
Bàn bóng bàn 02	T33022099-60339-60	1		10,600.00		10,600.00			9,275.00
Bộ loa phóng thanh xã Nam Du (20 cái)	T33022099-60339-61	1		16,400.00		16,400.00			14,350.00
Bộ tăng âm truyền thanh trung tâm	T33022099-60303-33	1		54,859.00		54,859.00			29,258.13
FLYCAM chuyên dùng Air 3 Fly More	T33022099-60339-56	1		61,000.00		61,000.00			53,375.00
Máy móc, thiết bị khác	604	10		398,600.00	170,000.00		151,100.00	77,500.00	143,410.00
Bảng cánh gà (2 bên sân khấu hội trường)	T33022012-604-33	1		12,000.00	12,000.00				
Máy phát điện 5KVA D12	T33022012005-701-21	1		25,000.00				25,000.00	
Bàn ghế học sinh	T33022012006-528-8	1		120,000.00	120,000.00				
Ti vi Smart 65 inch (LÁ 1 1-24)	T33022012009-604-207	1		17,500.00				17,500.00	16,041.67
Ti vi Smart 65 inch (Mầm 1-24)	T33022012009-604-206	1		17,500.00				17,500.00	16,041.67
Ti vi Smart 65 inch (Nghệ thuật-24)	T33022012009-604-205	1		17,500.00				17,500.00	16,041.67
đàn organ orland	T33022012010-604-28	1		35,000.00			35,000.00		13,125.00
màn hiển thị tương tác 75 inch	T33022012010-60115-69	1		116,100.00			116,100.00		69,660.00
Ồn áp	T33022012010-604-25	1		22,500.00	22,500.00				2,812.50
Máy ảnh	T33022018-604-19	1		15,500.00	15,500.00				9,687.50

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Tài sản cố định hữu hình khác	8	27		703,804.80	493,957.00	25,660.80	184,187.00		173,683.48
mua máy tính cơ quan	T33022010-8-23	1		14,780.00	14,780.00				12,162.71
Bếp gas 2 họng lò	T3302201200 2-8-32	1		25,000.00			25,000.00		3,125.00
Bộ vận động đa năng	T3302201200 2-11-24	1		35,118.00			35,118.00		
Bồn rửa thực phẩm 3 ngăn	T3302201200 2-8-33	1		25,500.00			25,500.00		3,187.50
Cầu trượt đôi	T3302201200 2-11-23	1		18,525.00			18,525.00		
Cầu trượt đơn	T3302201200 2-11-22	1		12,482.00			12,482.00		
Tủ để bát đĩa	T3302201200 2-8-34	1		19,000.00			19,000.00		2,375.00
Tủ để thực phẩm 4 tầng	T3302201200 2-8-35	1		22,000.00			22,000.00		2,750.00
Tủ lạnh LG 255l	T3302201200 2-8-36	1		12,000.00			12,000.00		1,500.00
Xích đu treo	T3302201200 2-11-21	1		14,562.00			14,562.00		
Dù sân trường	T3302201200 3-8-103	1		41,000.00	41,000.00				35,875.00
Bộ ghế salon	T3302201200 4-11-5	1		16,200.00	16,200.00				
Dù che sân trường	T3302201200 4-8-77	1		33,000.00	33,000.00				16,500.00
Nhà xe	T3302201200 4-8-76	1		55,693.00	55,693.00				20,884.88
Bộ chữ meke văn phòng	T3302201200 9-8-36	1		10,500.00	10,500.00				3,937.50

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bộ vận động đa năng	T3302201200 9-11-17	1		35,118.00	35,118.00				
Cầu Trượt đôi	T3302201200 9-11-20	1		18,525.00	18,525.00				
Cầu trượt đơn	T3302201200 9-11-19	1		12,482.00	12,482.00				
Hầm chui vận động tàu hỏa	T3302201200 9-11-21	1		12,870.00	12,870.00				
Nhà Banh tròn có cầu trượt	T3302201200 9-8-23	1		25,000.00	25,000.00				9,375.00
Tượng bạch tuyết bảy chú lùn	T3302201200 9-11-22	1		20,050.00	20,050.00				
Xích đu treo	T3302201200 9-11-18	1		14,562.00	14,562.00				
khung sắt, kệ	T3302201201 0-8-65	1		18,000.00	18,000.00				13,500.00
Giường chiếc	T33022020- 11-17	1		94,545.00	94,545.00				
Giường đôi	T33022020- 11-18	1		13,636.00	13,636.00				
Màn cửa sổ lớn	T33022020- 11-16	1		57,996.00	57,996.00				28,998.00
Cầu vịnh quang	T33022099-8- 54	1		25,660.80		25,660.80			19,512.90
Tài sản cố định vô hình	12	126		2,704,100.00	2,341,200.00	339,900.00		23,000.00	599,877.09
Chương trình phần mềm	122	126		2,704,100.00	2,341,200.00	339,900.00		23,000.00	599,877.09
Phần mềm tin học văn phòng	120414	2		30,000.00	30,000.00				16,562.50
Phần mềm Quản lý Cán bộ, Công chức, Viên chức	T33022008- 120414-31	1		15,000.00	15,000.00				9,062.50

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Phần mềm quản lý cán bộ viên chức, công chức	T33022027-120414-134	1		15,000.00	15,000.00				7,500.00
Phần mềm kế toán	120413	24		341,600.00	330,600.00	11,000.00			77,102.08
Phần mề quản lý tiền lương MISA SALAGOV	T33022005-120413-9	1		20,900.00	20,900.00				10,450.00
Kinh phí chuyển giao phần mềm quản lý cán bộ	T33022006-120413-27	1		15,000.00	15,000.00				9,375.00
Phần mềm hệ thống thông tin hành chính sự nghiệp	T33022008-120413-12	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm kế toán Misa	T33022008-120413-3	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm Quản lý tiền lương MISA SALAGOV	T33022008-120413-30	1		20,900.00	20,900.00				12,191.67
Phần mềm quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào	T33022008-120413-13	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm kế toán Misa	T33022012-120413-24	1		11,000.00	11,000.00				
Phần mềm kế toán MISA	T33022012003-120413-58	1		33,000.00	33,000.00				
Phần mềm kế toán Misa	T33022012004-120413-73	1		11,000.00	11,000.00				
Phần mềm kế toán Misa Bunmas	T33022012004-120413-75	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm khởi tạo và lập dự toán Misa	T33022012004-120413-74	1		11,000.00	11,000.00				
Phần mềm Kế toán misa	T33022012006-120413-100	1		11,000.00		11,000.00			
Phần mềm kế toán misa	T33022012009-120413-38	1		11,000.00	11,000.00				
Phần mềm quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào	T33022015-120413-9	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
PHẦN MỀM HỆ THỐNG THÔNG TIN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP PHÂN HỆ XÉT DUYỆT THẨM ĐỊNH THEO THÔNG TƯ 137	T33022015-120413-10	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm hệ thống thông tin HTHS	T33022018-120413-21	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm hóa đơn đầu vào	T33022018-120413-20	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm kế toán MISA	T33022018-120413-13	1		12,000.00	12,000.00				
PHẦN MỀM QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG MISA SALAGOV	T33022027-120413-120	1		20,900.00	20,900.00				10,450.00
PHẦN MỀM QUẢN LÝ VÀ TRA SÁT HOÁ ĐƠN ĐẦU VÀO	T33022027-120413-113	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
PHẦN MỀM XÉT DUYỆT THẨM ĐỊNH	T33022027-120413-112	1		15,000.00	15,000.00				3,750.00
Phần mềm quản lý ngân sách	T33022034-120413-11	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm kế toán MISA	T33022099-120413-38	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm Quản lý tiền lương Misa	T33022099-120413-53	1		20,900.00	20,900.00				10,885.42
Phần mềm ứng dụng khác	120415	100		2,332,500.00	1,980,600.00	328,900.00		23,000.00	506,212.50
Phần mềm Hệ thống thông tin hành chính sự nghiệp phân hệ xét duyệt thẩm định theo Thông tư 137	T33022005-120415-7	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm uản lý và tra soát hóa đơn đầu vào - chứng từ DVC	T33022005-120415-6	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
kinh phí chuyển giao phần mềm	T33022006-120415-14	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Phần mềm quản lý tiền lương MISA	T33022006-120415-26	1		20,900.00	20,900.00				11,756.25
Tra soát hóa đơn đầu vào- chứng từ	T33022006-120415-13	1		11,000.00	11,000.00				11,000.00
phần mềm hệ thống thông tin hành chính sự nghiệp phân hệ xét duyet thẩm định theo TT137 (HTHS)	T33022010-120415-18	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm quản lý cán bộ công chức	T33022010-120415-22	1		15,000.00	15,000.00				9,062.50
Phần mềm quản lý ngân sách	T33022010-120415-5	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm quản lý tài sản công	T33022010-120415-21	1		14,000.00	14,000.00				7,875.00
Phần mềm quản lý tiền lương	T33022010-120415-20	1		20,900.00	20,900.00				10,885.42
phần mềm quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào	T33022010-120415-17	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm xét duyệt thẩm định theo TT137	T33022011-120415-9	1		12,000.00				12,000.00	3,000.00
Phần mền Quản lý và Tra soát hóa đơn đầu vào	T33022011-1208-8	1		11,000.00				11,000.00	2,750.00
Phần mềm hệ thống thông tin chính sách an sinh XH (HTLD)	T33022012-120415-27	1		20,000.00	20,000.00				
Phần mềm hệ thống thông tin quản lý PCGD-XMC	T33022012-120415-26	1		16,500.00	16,500.00				
Phần mềm HTQL và chuyển đổi số minh chứng PCGD	T33022012-120415-43	1		32,500.00	32,500.00				8,125.00
Phần mềm HTTT HCSN phân hệ xét duyệt thẩm định theo TT137	T33022012-120415-45	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục	T33022012-120415-21	1		15,500.00	15,500.00				
Phần mềm minh chứng Kiểm định CLGD	T33022012-120415-53	1		19,500.00	19,500.00				9,750.00
Phần mềm Misa Bumas dành cho đơn vị chủ quản	T33022012-120415-29	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm Misa Bumas dành cho đơn vị trực thuộc	T33022012-120415-28	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm Misa Lekima	T33022012-120415-30	1		99,000.00	99,000.00				
Phần mềm MISA QLCB dành cho đơn vị chủ quản	T33022012-120415-41	1		24,000.00	24,000.00				6,000.00
Phần mềm MISA QLCB dành cho đơn vị trực thuộc	T33022012-120415-40	1		20,000.00	20,000.00				5,000.00
Phần mềm MISA TasGo dành cho đơn vị chủ quản	T33022012-120415-42	1		33,000.00	33,000.00				8,250.00
Phần mềm Misa về Khởi tạo lập dự toán và CCTL dành cho đơn vị chủ quản	T33022012-120415-22	1		20,000.00	20,000.00				
Phần mềm Misa về Khởi tạo lập dự toán và CCTL dành cho đơn vị trực thuộc	T33022012-120415-25	1		11,000.00	11,000.00				
Phần mềm Misa về Khởi tạo nghiệp vụ Tính lương dành cho đơn vị chủ quản	T33022012-120415-23	1		10,000.00	10,000.00				
Phần mềm mua sắm tài sản	T33022012-120415-52	1		14,000.00	14,000.00				7,000.00
Phần mềm QL và tra soát HĐ đầu vào	T33022012-120415-44	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm QUANLYBAOHIEM.VN	T33022012-120415-31	1		40,000.00	40,000.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Phần mềm Thi đua - Khen thưởng	T33022012-120415-51	1		14,000.00	14,000.00				7,000.00
Phần mềm BHYT	T33022012003-120415-86	1		19,000.00	19,000.00				
Phần mềm hệ thống thông tin Tài chính Hành chính sự nghiệp	T33022012003-120415-80	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm minh chứng kiểm định chất lượng giáo dục	T33022012003-120415-102	1		19,500.00	19,500.00				13,000.00
Phần mềm MISA quản lý cán bộ	T33022012003-120415-79	1		20,000.00	20,000.00				5,000.00
Phần mềm Misa TaskGo quản lý công việc	T33022012003-120415-77	1		20,000.00	20,000.00				5,000.00
Phần mềm nền tảng giáo dục-EMIS Ôn tập	T33022012003-120415-81	1		22,600.00	22,600.00				5,650.00
Phần mềm nền tảng giáo dục-Thư viện	T33022012003-120415-76	1		16,000.00	16,000.00				4,000.00
Phần mềm nền tảng quản trị mua sắm tài sản công	T33022012003-120415-98	1		14,000.00	14,000.00				7,000.00
Phần mềm quản lý kiểm định trường chuẩn	T33022012003-120415-73	1		15,500.00	15,500.00				
Phần mềm quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào	T33022012003-120415-75	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm thi đua khen thưởng	T33022012003-120415-97	1		11,000.00	11,000.00				5,500.00
Phần mềm HCSN	T33022012004-120415-115	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm hệ thống thông tin quản lý PCGD-XMC	T33022012004-120415-72	1		49,500.00	49,500.00				
Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục	T33022012004-120415-71	1		15,500.00	15,500.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Phần mềm Phổ cập	T3302201200 4-120415-113	1		97,500.00	97,500.00				24,375.00
Phần mềm quản lý Thư viện, ôn tập, QLCB...	T3302201200 4-120415-112	1		78,600.00	78,600.00				19,650.00
Phần mềm Tra Soát HĐ Đầu Vào	T3302201200 4-120415-114	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm hóa đơn đầu vào	T3302201200 6-120415-99	1		11,000.00		11,000.00			2,750.00
Phần mềm Kiểm định	T3302201200 6-120415-98	1		15,500.00		15,500.00			
Phần mềm hóa đơn đầu vào	T3302201200 9-120415-128	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm Kiểm định	T3302201200 9-120415-37	1		15,500.00	15,500.00				
Phần mềm lập kế hoạch giáo dục	T3302201200 9-120415-187	1		28,500.00	28,500.00				18,406.25
Phần mềm minh chứng kiểm định	T3302201200 9-120415-188	1		19,500.00	19,500.00				12,593.75
Phần mềm misa (Dự toán)	T3302201200 9-120415-40	1		11,000.00	11,000.00				
Phần mềm misa (lương)	T3302201200 9-120415-39	1		11,000.00	11,000.00				
Phần mềm quản lý cán bộ	T3302201200 9-120415-124	1		20,000.00	20,000.00				5,000.00
Phần mềm Quản trị mua sắm tài sản công	T3302201200 9-120415-185	1		14,000.00	14,000.00				8,166.67
Phần mềm TaskGo (Quản lý công việc)	T3302201200 9-120415-123	1		20,000.00	20,000.00				5,000.00
Phần mềm thi đua khen thưởng (Misa)	T3302201200 9-120415-186	1		11,000.00	11,000.00				5,500.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghịệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Phần mềm xét duyệt dự toán	T33022012009-120415-129	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
phần mềm báo cáo quyết toán	T33022012010-120415-60	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm minh chứng kiểm định chất lượng giáo dục	T33022012010-120415-87	1		19,500.00	19,500.00				9,750.00
Phần mềm nền tảng quản trị mua sắm tài sản công	T33022012010-120415-53	1		14,000.00	14,000.00				7,000.00
phần mềm ôn tập	T33022012010-120415-55	1		22,600.00	22,600.00				5,650.00
phần mềm phổ cập	T33022012010-120415-62	1		97,500.00	97,500.00				24,375.00
phần mềm phổ cập	T33022012010-120415-52	1		49,500.00	49,500.00				
phần mềm quản lý cán bộ	T33022012010-120415-56	1		20,000.00	20,000.00				5,000.00
phần mềm quản lý công việc	T33022012010-120415-54	1		20,500.00	20,500.00				5,125.00
Phần mềm quản lý kiểm định trường chuẩn	T33022012010-120415-89	1		15,500.00	15,500.00				3,875.00
phần mềm quản lý ngân sách	T33022012010-120415-59	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
phần mềm quản lý thẻ BH	T33022012010-120415-51	1		19,000.00	19,000.00				
phần mềm quản lý thư viện	T33022012010-120415-57	1		16,000.00	16,000.00				4,000.00
Phần mềm thi đua khen thưởng	T33022012010-120415-88	1		11,000.00	11,000.00				5,500.00
phần mềm tính lương	T33022012010-120415-58	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
phần mềm tra soát hóa đơn	T33022012010-120415-61	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Bảo trì phần mềm khai thác báo cáo	T33022016-120415-27	1		25,000.00		25,000.00			6,250.00
phần mềm Bumas	T33022016-120415-21	1		12,000.00		12,000.00			
phần mềm chính sách ASXH	T33022016-120415-18	1		20,000.00		20,000.00			
phần mềm Dự toán 2021	T33022016-120415-20	1		99,000.00		99,000.00			
phần mềm khai thác báo cáo	T33022016-120415-26	1		194,800.00	194,800.00				
phần mềm phê duyệt quyết toán	T33022016-120415-29	1		20,000.00	20,000.00				5,000.00
Phần mềm QLDA	T33022016-120415-19	1		98,000.00		98,000.00			
Phần mềm Quản lý tiền lương	T33022016-120415-34	1		20,900.00		20,900.00			12,191.67
phần mềm quản lý tiền lương-Đơn vị chủ quản	T33022016-120415-33	1		27,500.00		27,500.00			16,041.67
phần mềm tra soát hóa đơn	T33022016-120415-28	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm mua sắm tài sản công Note	T33022018-120415-24	1		14,000.00	14,000.00				7,000.00
Phần mềm quản lý CBCCVC	T33022018-120415-25	1		15,000.00	15,000.00				7,500.00
Phần mềm quản lý tiền lương Missa	T33022018-120415-23	1		20,900.00	20,900.00				10,450.00
Phần mềm mua sắm tài sản công	T33022019-120415-53	1		14,000.00	14,000.00				7,000.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Phần mềm quản lý CBCCVC	T33022019-120415-54	1		15,000.00	15,000.00				7,500.00
Phần mềm Quản lý tiền lương Missa SALAGOV	T33022019-120415-52	1		20,900.00	20,900.00				10,450.00
Phần mềm Quyết toán	T33022019-120415-48	1		12,000.00	12,000.00				3,000.00
Phần mềm Quyết toán ngân sách	T33022019-120415-38	1		12,000.00	12,000.00				
Phần mềm Tra soát hóa đơn đầu vào	T33022019-120415-49	1		11,000.00	11,000.00				2,750.00
Phần mềm mua sắm tập trung	T33022027-120415-133	1		14,000.00	14,000.00				7,000.00
Phần mềm quản lý cán bộ	T33022034-120415-18	1		15,000.00	15,000.00				9,062.50
Phần mềm quản lý tiền lương	T33022034-120415-17	1		20,900.00	20,900.00				11,320.83
Phần mềm Quản trị mua sắm tài sản công	T33022099-120415-52	1		14,000.00	14,000.00				7,875.00
Danh mục TSCĐ thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b khoản 3 Điều 3 thông tư số 45/2018/TT-BTC	14	56		519,200.00	284,800.00	144,400.00		90,000.00	186,477.46
A. Danh mục tài sản cố định hữu hình có giá trị từ 05 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng và có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên	1472	56		519,200.00	284,800.00	144,400.00		90,000.00	186,477.46
Loại 1. Máy móc, thiết bị	14721	52		404,400.00	268,000.00	136,400.00			128,477.46
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	147211	49		376,400.00	240,000.00	136,400.00			116,477.46
Máy scan	1472117	2		19,580.00	19,580.00				7,315.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy Scan	T33022012-1472117-39	1		9,900.00	9,900.00				2,475.00
Máy Scan	T33022014-1472117-18	1		9,680.00	9,680.00				4,840.00
Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh	14721110	1		7,000.00	7,000.00				
bộ ghế salo gỗ	T33022010-14721110-11	1		7,000.00	7,000.00				
Máy điều hòa không khí	14721112	7		65,500.00	65,500.00				13,500.00
Máy lạnh AQUA 1HP	T33022010-14721112-6	1		9,500.00	9,500.00				
Máy lạnh AQUA 1HP	T33022010-14721112-7	1		9,500.00	9,500.00				
Máy lạnh AQUA 1HP	T33022010-14721112-9	1		9,500.00	9,500.00				
Máy lạnh AQUA 1HP	T33022010-14721112-8	1		9,500.00	9,500.00				
Máy lạnh AQUA 1HP	T33022010-14721112-10	1		9,500.00	9,500.00				
Máy lạnh 1HP (Máy 1)	T33022010-14721112-28	1		9,000.00	9,000.00				6,750.00
Máy lạnh 1HP (Máy 2)	T33022010-14721112-29	1		9,000.00	9,000.00				6,750.00
Tủ đựng tài liệu	1472115	17		104,000.00	20,000.00	84,000.00			37,000.00
Tủ sắt đựng tài liệu	T33022008-1472115-16	1		5,000.00	5,000.00				1,250.00
tủ đựng hồ sơ	T33022010-1472115-12	1		5,000.00	5,000.00				
tủ đựng hồ sơ	T33022010-1472115-14	1		5,000.00	5,000.00				

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
tủ đựng hồ sơ	T33022010-1472115-13	1		5,000.00	5,000.00				
Tủ đựng chắn màn chiếu	T33022012009-1472115-148	1		5,500.00		5,500.00			1,375.00
Tủ đồ dùng cá nhân cho trẻ 12 ngăn 01	T33022012009-1472115-146	1		9,750.00		9,750.00			2,437.50
Tủ đồ dùng cá nhân cho trẻ 12 ngăn 02	T33022012009-1472115-147	1		9,750.00		9,750.00			2,437.50
Tủ đựng tài liệu 1	T33022012009-1472115-167	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 10 (Nguyên)	T33022012009-1472115-176	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 2	T33022012009-1472115-168	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 3	T33022012009-1472115-169	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 4	T33022012009-1472115-171	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 5	T33022012009-1472115-170	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 6	T33022012009-1472115-172	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Tủ đựng tài liệu 7	T33022012009-1472115-173	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 8	T33022012009-1472115-174	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Tủ đựng tài liệu 9	T33022012009-1472115-175	1		5,900.00		5,900.00			2,950.00
Máy in	1472113	12		84,970.00	69,170.00	15,800.00			43,195.00
Máy in canon 243DW	T33022003-1472113-48	1		7,900.00		7,900.00			5,925.00
Máy in canon 243DW	T33022003-1472113-47	1		7,900.00		7,900.00			5,925.00
Máy in Canon LBP ME-241D	T33022005-1472113-5	1		5,900.00	5,900.00				1,475.00
Máy in HP LaserJet Pro M230dnG3Q46A	T33022005-1472113-3	1		6,840.00	6,840.00				
Máy in Canon MF 241D	T33022008-1472113-14	1		7,200.00	7,200.00				1,800.00
Máy in cơ quan	T33022010-1472113-24	1		7,200.00	7,200.00				4,650.00
Máy in HP	T33022010-1472113-26	1		9,890.00	9,890.00				9,890.00
Máy in canon MF241d	T33022017-1472113-8	1		7,500.00	7,500.00				1,875.00
Máy in (HP M203DN)_	T33022017-1472113-4	1		5,000.00	5,000.00				
Máy in Canon LPB	T33022034-1472113-20	1		6,500.00	6,500.00				3,250.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy in Canon MF3010	T33022034-1472113-19	1		5,800.00	5,800.00				2,900.00
Máy in đa năng Ca non	T33022034-1472113-21	1		7,340.00	7,340.00				5,505.00
Máy vi tính để bàn	1472111	4		40,880.00	40,880.00				2,310.00
Elead S879	T33022005-1472111-1	1		9,000.00	9,000.00				
Máy vi tính để bàn T5400QN	T33022005-1472111-2	1		12,750.00	12,750.00				
Bộ máy vi tính	T33022008-1472111-19	1		9,890.00	9,890.00				
máy tính để bàn	T33022010-1472111-19	1		9,240.00	9,240.00				2,310.00
Bộ bàn ghế họp	14721111	1		8,400.00		8,400.00			4,194.96
Bàn họp ốp cột cơ quan	T33022003-14721111-41	1		8,400.00		8,400.00			4,194.96
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	14721115	5		46,070.00	17,870.00	28,200.00			8,962.50
Bộ CPU vi tính để bàn Core I3 10100	T33022008-14721115-15	1		8,880.00	8,880.00				2,220.00
Thùng CPU máy tính	T33022008-14721115-32	1		8,990.00	8,990.00				6,742.50
Đàn organ CASIO CT-X800 (01)	T33022012009-14721115-149	1		9,500.00		9,500.00			
Đàn organ CASIO CT-X800 (02)	T33022012009-14721115-150	1		9,500.00		9,500.00			
Xích đu 3 con thú	T33022012009-14721115-151	1		9,200.00		9,200.00			

Tài sản	Mã tài sản	Số lượn g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	147213	2		22,500.00	22,500.00				12,000.00
Tủ lạnh, máy làm mát	14721310	1		6,500.00	6,500.00				
Tủ lạnh AQUA	T33022010-14721310-15	1		6,500.00	6,500.00				
Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	1472134	1		16,000.00	16,000.00				12,000.00
Màn hình Tivi 65 inch	T33022010-1472134-27	1		16,000.00	16,000.00				12,000.00
Máy móc, thiết bị khác	147214	1		5,500.00	5,500.00				
Bàn làm việc	T33022008-147214-26	1		5,500.00	5,500.00				
Loại 3. Tài sản cố định hữu hình khác	14723	4		114,800.00	16,800.00	8,000.00		90,000.00	58,000.00
Cô tấm và cái giếng	T33022012009-14723-141	1		8,800.00	8,800.00				2,200.00
Máy móc, thiết bị văn phòng	1411	3		106,000.00	8,000.00	8,000.00		90,000.00	55,800.00
Thiết bị âm thanh các loại	141113	1		8,000.00	8,000.00				6,000.00
Loa bluetooth di động	T33022010-141113-30	1		8,000.00	8,000.00				6,000.00
Máy vi tính xách tay	14112	1		8,000.00		8,000.00			4,800.00
Máy tính Asus i5	T33022003-1472111-44	1		8,000.00		8,000.00			4,800.00
Tài sản cố định hữu hình khác	141132	1		90,000.00				90,000.00	45,000.00

Tài sản	Mã tài sản	Số lượng g tài sản	Diện tích	Nguyên giá					Giá trị còn lại
				Tổng cộng	Trong đó				
					Nguồn ngân sách	Nguồn sự nghiệp	Nguồn viện trợ, tài trợ	Nguồn khác	
Bảng từ lừa 3 ngăn	T3302201200 3-141132-101	1		90,000.00				90,000.00	45,000.00
Tổng cộng		1007	68.402,51	2,755,943,276.62	2,729,994,063.59	5,926,791.46	5,625,531.04	14,396,890.54	64,438,604.40

.....,Ngày....Tháng....Năm....

